



## **NHÂN TỐ MỸ: TRUNG – MỸ XÍCH LẠI GẦN NHAU VÀ THÁI ĐỘ CỦA TQ ĐỐI VỚI CHIẾN TRANH VIỆT NAM, 1968-72**

**Nguồn:** Chris Connolly (2005). "The American Factor: Sino-American Rapprochement and Chinese Attitudes to the Vietnam War, 1968–72", *Cold War History*, Vol. 5, No. 4, pp. 501-527.

**Biên dịch:** Trần Hương Phong | **Hiệu đính:** Vương Thảo Vy

*Rõ ràng là bất kỳ công trình nghiên cứu nào về Hoa Kỳ và Trung Quốc trong thập niên 1960 và 1970 ắt hẳn đều dẫn chiếu đến cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng như bất kỳ công trình nào về sự can dự của Trung Quốc vào cuộc chiến Việt Nam không thể bỏ qua mối quan hệ dần khởi sắc của Trung Quốc và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, kể từ khi công khai các tài liệu từ thời chính quyền Nixon và công bố các công trình học thuật bằng tiếng Trung gần đây, chưa có một nghiên cứu hệ thống nào về mối liên hệ giữa hai quá trình chính trị này. Bài viết sau đây ghi chép lại tác động của việc Trung-Mỹ xích lại gần nhau lên thái độ của Bắc Kinh đối với cuộc chiến tranh Việt Nam, và đã khiến Trung Quốc thay đổi tới mức độ nào chính sách của mình đối với Việt Nam.*

### **Giới thiệu**

Rõ ràng là bất kỳ công trình nghiên cứu nào về Hoa Kỳ và Trung Quốc trong thập niên 1960 và 1970 ắt hẳn đều dẫn chiếu đến cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng như bất kỳ công trình nào về sự can dự của Trung Quốc vào cuộc chiến tranh Việt Nam không thể bỏ qua mối quan hệ dần khởi sắc của Trung Quốc và Hoa Kỳ. Bài viết này cố gắng lấp đầy khoảng trống giữa hai quan điểm ấy, và xem xét mối liên hệ giữa hai sự kiện đúng như bản chất của chúng. Đó là một quá trình chuyển biến

thực sự bất thường từ chỗ Bắc Kinh hoàn toàn phản đối Bắc Việt Nam đàm phán với Mỹ tại Paris (hay bất cứ nơi nào khác), tới việc các nhà lãnh đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Việt Nam DCCCH) yêu cầu rằng Mao không nên tiếp tổng thống Hoa Kỳ ở Bắc Kinh (và yêu cầu này đã bị từ chối)

Tuy nhiên, phần lớn hiểu biết của chúng ta về vai trò của Trung Quốc là dựa trên hồi ký của những người Mỹ quan trọng tham gia vào những sự kiện đó, và một phần ít hơn là dựa vào lời thuật lại từ phía Việt Nam trong cay đắng bởi cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ ba (hay Chiến tranh biên giới Việt – Trung). Báo cáo khoa học của Dự án Lịch sử quốc tế thời kỳ Chiến tranh lạnh, *77 Cuộc Hội đàm giữa Lãnh đạo Trung Quốc và Nước ngoài về Chiến tranh ở Đông Dương, 1964-1977*,<sup>1</sup> đã đem lại hiểu biết mới về các cuộc thảo luận của lãnh đạo Trung Quốc, trong lúc những năm gần đây các sách báo xuất bản chính thức mới và công trình của một số học giả Trung Quốc - những người được tiếp cận với tài liệu lưu trữ của Trung Quốc - đã nâng cao kiến thức của chúng ta về các hành động của quốc gia này.

Nhằm phục vụ mục đích của bài viết này tác giả đã tập hợp lại một số những công trình đó, và kết hợp chúng với nghiên cứu riêng của mình tại Hoa Kỳ và Cục Lưu trữ Quốc gia Anh để cố gắng phác họa một bức tranh tổng thể về mối quan hệ Hà Nội - Bắc Kinh - Washington từ mùa hè 1968, là lúc Bắc Kinh kịch liệt phản đối Bắc Việt Nam đàm phán với người Mỹ, cho tới mùa hè 1972, khi Mao bắt đầu thúc giục các đồng chí Việt Nam chấp nhận Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu của Nam Việt Nam là một đối tác trong chính phủ liên hợp để tạo điều kiện cho người Mỹ rút khỏi Đông Dương. Tác giả đã cố ý né tránh cụm từ mối quan hệ 'tam giác', vì phạm vi của bài viết này không xem xét các cuộc đàm phán của Bắc Việt Nam với Hoa Kỳ, cũng như không dành chỗ để nghiên cứu sâu về mối quan hệ của Bắc Kinh hoặc Hà Nội với Matxcova. Tuy nhiên, bài viết này đề cập đến những câu hỏi như việc Trung-Mỹ xích lại gần nhau làm thay đổi thái độ của Trung Quốc đối với chiến tranh Việt Nam tới mức độ nào, và khi nào, tại sao và tới mức độ nào mà Trung Quốc bắt đầu cố vấn cho Bắc Việt Nam để đi đến thỏa thuận với Hoa Kỳ trong một giải pháp thương lượng.

## **Phản đối đàm phán**

Cho tới tháng Mười năm 1968, những người cộng sản Bắc Việt Nam không còn nghi ngờ gì về quan điểm của Trung Quốc đối với quyết định tháng Tư của họ về việc mở đàm phán với chính phủ Hoa Kỳ. Ngay từ tháng 12/1965, sau khi Nghị quyết 12 (cho phép mở các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ) được thông qua tại Hội nghị Trung ương lần thứ mười hai của Đảng Lao động Việt nam (ĐLĐVN), Chu Ân Lai đã

khuyên Bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt Nam Nguyễn Duy Trinh là "chúng tôi không phản đối ý tưởng rằng khi chiến tranh đạt đến một giai đoạn nhất định đàm phán sẽ là cần thiết. Nhưng vấn đề là thời điểm chưa chín muồi".<sup>2</sup> Đây là một quan điểm mà Trung Quốc đã không ngừng duy trì trong suốt thời gian xen giữa. Tuy nhiên, để đáp lại tuyên bố ngày 31 tháng 3 năm 1968 của Lyndon Johnson đình chỉ ném bom miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra để tạo điều kiện cho các cuộc hòa đàm, ngày 03 tháng Tư Bắc Việt Nam đã trả lời theo chiều hướng tích cực, và rõ ràng đã không thông báo trước cho đồng minh Trung Quốc của mình.<sup>3</sup> Hà Nội đã đề xuất Vácava là một địa điểm thích hợp cho các cuộc tiếp xúc ban đầu, sau khi người Mỹ từ chối Phnom Penh; tuy nhiên Trung Quốc đã phê phán mạnh mẽ các đồng chí Bắc Việt của mình về hai hành vi thỏa hiệp này: "Từ kinh nghiệm của bản thân mình, chúng tôi thấy rằng đàm phán chỉ nên bắt đầu khi chúng ta có một vị thế mạnh hơn, không phải là thế yếu... Tình hình cho thấy các đồng chí Việt Nam đã dễ dàng thỏa hiệp. Nhân dân thế giới không thể không nghĩ rằng các đồng chí đang gặp phải khó khăn trong cuộc đấu tranh của mình".<sup>4</sup>

Quan hệ của Trung Quốc với Bắc Việt Nam xấu đi trong suốt mùa hè 1968, và đã có bước ngoặt lớn theo chiều hướng tệ hơn sau khi Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc vào ngày 20 tháng Tám, một sự kiện làm kinh động các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Ngày 22 tháng 8, Mao gặp gỡ các nhân vật cấp cao của đảng, trong đó có Chu Ân Lai và nhóm "Tứ trụ Nguyên soái" (Trần Nghị, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn và Diệp Kiếm Anh), để thảo luận phản ứng của họ đối với cuộc xâm lược. Tối hôm sau, sau khi tham vấn với đại sứ Rumani tại Bắc Kinh và Chủ tịch Mao Trạch Đông, quyết định được đưa ra là cũng ngay tối hôm đó Chu Ân Lai sẽ đích thân tham dự một buổi lễ tiếp tân tại Đại sứ quán Rumani nhân ngày Quốc khánh của nước này, tại đây ông sẽ có bài phát biểu tuyên bố phản ứng của Trung Quốc. Việc chọn thời điểm có thể nói là thuận lợi, ít nhất là trong bối cảnh lúc đó: chỉ có Bucharest là cảm thấy bất an hơn vì sự kiện này so với Bắc Kinh, do vậy Đại sứ quán Rumani đã trở thành một diễn đàn công khai của phe "chủ nghĩa xã hội", nơi mà tất cả đại sứ của các nước Hiệp ước Vacsava sẽ có mặt, để tại đây Chu có thể biểu lộ cơn thịnh nộ của Trung Quốc. Vậy là, ngày 23 tháng 8, Chu Ân Lai lần đầu tiên công khai buộc tội Liên Xô đã trở thành "đế quốc xã hội chủ nghĩa" và cùng lúc, truyền thông Trung Quốc cũng ra lời tố cáo cay độc về các sự kiện ở Tiệp Khắc. Dù học thuyết Brezhnev về "chủ quyền hạn chế" phải mấy tháng sau mới được đưa ra, nhưng những ẩn ý (của sự kiện này) đối với Trung Quốc dường như đã quá rõ ràng đối với các nhà lãnh đạo nước này: Liên Xô bây giờ là mối uy hiếp đối với an ninh Trung Quốc còn lớn hơn so với Mỹ.<sup>5</sup>

Đáng lo ngại cho giới lãnh đạo Trung Quốc, Bắc Việt Nam lại bày tỏ sự ủng hộ cực kỳ mạnh mẽ và nhanh chóng đối với hành động của Liên Xô, điều chắc chắn làm Trung Quốc tức giận và bất an. Mặc dù tình trạng quan hệ giữa Hà Nội và Bắc Kinh khá ảm đạm, phản ứng kiên quyết một cách rõ ràng của Hà Nội làm ngạc nhiên ngay cả nhiều nhà quan sát nước ngoài tại Hà Nội.<sup>6</sup> Thậm chí trước khi Trung Quốc chính thức hóa lập trường của họ, truyền thông Bắc Việt đã phát ra tuyên bố ủng hộ cuộc xâm lược. Người phát ngôn của Bắc Việt Nam tại các cuộc đàm phán hòa bình ở Paris, Nguyễn Lê Thanh, tiếp tục đưa ra bình luận tích cực, công khai ủng hộ mục tiêu của cuộc xâm lược là "tăng cường tính thống nhất của phe xã hội chủ nghĩa".<sup>7</sup>

Vì Bắc Việt Nam tăng cường ủng hộ hành động của Liên Xô, do vậy Trung Quốc cũng gia tăng cường độ công kích, đối với cả Liên Xô lẫn những người "nuôi dưỡng ảo tưởng về chủ nghĩa xét lại Xô viết và chủ nghĩa đế quốc Mỹ". Lời buộc tội của Chu Ân Lai (trong cùng bài phát biểu) vào ngày 2 tháng 9 năm 1968 là "đã đến lúc [họ] phải thức tỉnh!"<sup>8</sup> Lời tuyên bố này, biểu lộ rằng giới lãnh đạo Trung Quốc sẵn sàng làm cho Bắc Việt phải mất mặt ngay ngày quốc khánh của mình, phản ánh sự không hài lòng và bất mãn sâu sắc của Trung Quốc. Các nguồn tư liệu có sẵn cho thấy dường như có rất ít các cuộc tiếp xúc khác giữa Bắc Kinh và Hà Nội trong khoảng thời gian còn lại của tháng Chín, phản ánh tình trạng rất xấu trong quan hệ Trung-Việt thời gian này. Ngày 01 tháng Mười, trong lễ kỷ niệm Quốc khánh đánh dấu lần thứ mười chín ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa, các quan chức cấp cao Bắc Việt Nam tham dự lễ ở Bắc Kinh thấy mình bị xếp sau những đại biểu của Đảng Cộng sản Úc (theo chủ nghĩa Mác-Lê).<sup>9</sup> Ngày 06 tháng 10, Chu Ân Lai đánh điện cho Đại biện lâm thời Trung Quốc tại Hà Nội chỉ thị cho ông ta thông báo với Thủ tướng Phạm Văn Đồng rằng "vì bận việc trong nước" Trung Quốc không còn có thể tiếp phái đoàn Bắc Việt Nam đang có ý định sang thăm.<sup>10</sup> Một cuộc họp gay gắt giữa Thứ trưởng Bộ Ngoại thương Bắc Việt Nam Lý Ban và Chu Ân Lai diễn ra vào ngày 09 tháng Mười, khi Chu cho rằng các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ sẽ dẫn đến một sai lầm ở mức độ tương tự như Hiệp định Geneva 1954, trong lúc đó cũng vào khoảng thời gian này Trung Quốc đã bắt đầu rút một bộ phận công binh và các tiểu đoàn phòng không đi kèm vốn đã đóng quân ở Bắc Việt Nam từ tháng Sáu năm 1965.<sup>11</sup>

Những căng thẳng gia tăng giữa hai bên lên đến đỉnh điểm trong một cuộc tranh luận bên lề giữa Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Trần Nghị và ủy viên Bộ Chính trị Bắc Việt Nam, trưởng đoàn đàm phán tại Paris Lê Đức Thọ. Trần Nghị phê phán các đồng chí Bắc Việt về bốn vấn đề: họ đã để mất thế chủ động khi chấp nhận hòa đàm để đổi lấy việc chấm dứt ném bom một phần; bằng cách chấp nhận

đàm phán bốn bên họ đã làm suy yếu vị thế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) là người đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam; lập trường của họ có thể sẽ giúp cho Hubert Humphrey giành thắng lợi trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11; và cuối cùng Trần đã buộc tội rằng họ đã "chấp nhận đề xuất thỏa hiệp và đầu hàng mà những kẻ theo chủ nghĩa xét lại Xô-viết đưa ra... Vì thế, không còn gì hơn để bàn luận giữa hai đảng và chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc chúng ta... do vậy chúng tôi sẽ xem xét những thay đổi tình hình trong tháng 11".<sup>12</sup> Thọ không có ý chịu khuất phục, nên khi Trần Nghị nhắc lại những sai lầm trong việc ký kết Hiệp định Geneva năm 1954, Thọ vặn lại rằng họ mắc phải sai lầm "Vì [người Việt Nam] chúng tôi nghe theo lời khuyên của các ông".<sup>13</sup>

Đằng sau những lời lẽ gay gắt của Trần Nghị ẩn chứa một thực tế rằng quyết định mở đối thoại với Hoa Kỳ của Bắc Việt Nam đã mâu thuẫn trực tiếp với đường lối mà Trung Quốc tán thành. Trong bầu không khí căng thẳng của cuộc Cách mạng Văn hóa, Việt Nam đã bị coi là tâm điểm của tất cả những mâu thuẫn trên thế giới, tức là tâm điểm của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội, và Trung Quốc đã thường xuyên nhắc nhở các đồng chí Việt Nam của mình rằng trong đấu tranh những gì không giành được trên chiến trường thì cũng không thể giành được trên bàn thương lượng.<sup>14</sup> Trung Quốc cho rằng, những nhượng bộ của Bắc Việt Nam đồng nghĩa với việc tiếp cận đàm phán một cách thụ động và không giữ thế thượng phong trên mặt trận quân sự; rút cục là, điều này sẽ gây tổn hại cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, và sự nghiệp cách mạng thế giới. Hơn nữa, Trung Quốc lo sợ hai siêu cường có thể sẽ vì các mục tiêu của mình mà thông đồng với nhau và buộc Bắc Việt Nam phải chấp nhận một giải pháp không mang lại thắng lợi.

Sự thành công của Bắc Việt Nam quan trọng đối với Trung Quốc vì nhiều lý do. Thứ nhất, lãnh đạo Trung Quốc đồng cảm thực sự với cuộc đấu tranh của Việt Nam, theo cách tương tự mà họ đã quan tâm đến những vấn đề của Triều Tiên. Mỗi quan ngại vượt qua những toan tính địa chính trị đơn thuần: đối với Trung Quốc, Việt Nam và Triều Tiên là một phần của "vũ trụ văn hóa" của họ, những quốc gia mà vận mệnh gắn với Trung Quốc trên cơ sở quan hệ lịch sử, và Trung Quốc có nghĩa vụ đối với những nước này. Sự tiếp tục tồn tại của chế độ ở Bình Nhưỡng và Hà Nội không chỉ quan trọng đối với Bắc Kinh về mặt địa chính trị, mà còn cả ý nghĩa về mặt tinh thần: sự thất bại của chủ nghĩa xã hội tại một trong hai quốc gia này, hay thực ra là một sự tuyệt giao vĩnh viễn giữa Bắc Kinh với một trong hai nước, hẳn sẽ là thất bại trong trù hoạch của Mao Trạch Đông và vai trò lãnh đạo của Trung Quốc. Ngoài ra, về mặt địa chính trị mà nói, trong mắt của Mao Trạch

Đông, sự thất bại của cách mạng Việt Nam không chỉ làm nguội bớt ngọn lửa cách mạng trên toàn thế giới và giảm nhẹ nỗi lo cho Hoa Kỳ mà còn làm tăng cường thế trận bao vây chống Trung Quốc. Trên tầm ý thức hệ điều đó cũng sẽ tiếp tục làm suy yếu những lập luận của Mao về tính tất yếu của chiến tranh và cách mạng. Vì vậy, Trung Quốc quyết tâm không dính dáng đến các cuộc đàm phán Paris, và lên án chúng là "gian lận".

Tuy nhiên, lập trường của Bắc Việt Nam và phản ứng của Trung Quốc về các sự kiện ở Praha cũng gắn kết chặt chẽ với các cuộc đàm phán hòa bình ở Paris. Kể từ khi Khrushchev bị lật đổ, không giống như hầu hết các đảng cộng sản khác trên thế giới, Bắc Việt Nam đã giữ một đường lối tương đối kiên định giữa bối cảnh rạn nứt Trung - Xô ngày càng gia tăng, và do đó thành công trong việc duy trì sự ủng hộ của cả hai "anh cả". Tuy nhiên, sự ủng hộ nhiệt thành của Việt Nam DCCCH đối với hành động của Liên Xô cho thấy Hà Nội đã tính toán rằng bằng cách biểu thị mạnh mẽ sự ủng hộ đối với Liên Xô, họ sẽ đạt được lợi ích tốt nhất.<sup>15</sup> Việc khối Xô-viết cung cấp thiết bị quân sự hiện đại rõ ràng là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong quyết định này, dù chỉ tới năm 1968 giá trị viện trợ của Liên Xô mới vượt xa viện trợ của Trung Quốc.<sup>16</sup> Tuy nhiên, sự ủng hộ ngoại giao mạnh mẽ đối với chiến lược đàm phán của Hà Nội là việc mà Matxcova đã làm chứ không phải Bắc Kinh, do vậy việc ủng hộ cuộc xâm lược Tiệp Khắc chắc hẳn được xem như là một cử chỉ đền đáp của Việt Nam đối với Liên Xô, và là cử chỉ thách thức bất chấp sự chỉ trích của Trung Quốc về chiến lược ngoại giao mà Hà Nội đang theo đuổi.

Dẫu sao cũng không có gì ngạc nhiên khi việc Hà Nội liên kết chặt chẽ với Liên Xô trên lưng một vấn đề mang tính kích động như học thuyết "chủ quyền hạn chế" trong một năm mà căng thẳng giữa Trung Quốc và Liên Xô liên tục gia tăng lại làm Trung Quốc nổi giận như chúng ta đã thấy. Tác động của nó là làm cho Trung Quốc càng thêm lo lắng về bất kỳ thỏa thuận hòa bình 'có tính chất đầu hàng' nào mà các cuộc đàm phán Paris có thể đưa đến (có thể thấy là Liên Xô đã góp phần trong đó), và lo ngại về tiến trình tương lai trong chính sách của Bắc Việt Nam. Khi các cuộc đàm phán nghiêm túc ở Paris lấy được đà tăng tốc cho suốt tới đầu tháng Mười, và triển vọng của một giải pháp thương lượng trở nên thực tế hơn, sự chống đối của Trung Quốc cũng gia tăng và trở nên rõ ràng hơn. Tình thế này do vậy đã có tác dụng buộc Bắc Việt phải liên kết chặt chẽ hơn với Liên Xô vốn là nguồn ủng hộ về ngoại giao cho đường lối hành động mà họ đã lựa chọn. Về vấn đề này, Bắc Kinh đã trở thành một nạn nhân của chính hệ tư tưởng và hoạt động tuyên truyền của họ, và do đó, tới giữa tháng Mười, Trung Quốc đã gần như tự đẩy mình vào góc tường. Nếu đàm phán thành công bất chấp việc họ phản đối để gây sức ép, thì Trung Quốc thậm chí có thể bị cách ly nhiều hơn trên trường quốc tế, đường lối của

Bắc Kinh có thể bị mất tín nhiệm nặng nề, và Bắc Việt Nam sẽ có khả năng xích lại gần hơn với Liên Xô, những người bây giờ thậm chí là mối đe dọa còn lớn hơn nữa đối với Bắc Kinh so với khi chúng mới xuất hiện lúc đàm phán Paris bắt đầu hồi tháng Năm. Các lựa chọn của Bắc Kinh thực ra rất khó khăn.

Hai ngày sau cuộc gặp gỡ khó chịu giữa Trần Nghị và Lê Đức Thọ, đài phát thanh Trung Quốc lần đầu tiên đã nhắc đến sự tồn tại của các cuộc đàm phán ở Paris, báo hiệu bắt đầu có sự thay đổi trong thái độ của Trung Quốc đối với các cuộc đàm phán ở Paris. Đồng thời việc đưa tin về các trận đánh ở miền Nam Việt Nam và đánh bom của Mỹ ở miền Bắc cũng giảm đi. Trong tuần lễ trước ngày diễn ra bầu cử tổng thống Mỹ vào mùng 5 tháng 11, Trung Quốc đột ngột ngừng toàn bộ việc đưa tin về Việt Nam (và các cuộc đàm phán ở Paris). Với kỳ vọng rằng một thỏa thuận nào đó rất có thể được dàn xếp ngay trước ngày bầu cử (nhiều người mong đợi Johnson "bất ngờ đưa ra kế gì đó" để thắng cử trước ứng cử viên đảng Dân chủ Hubert Humphrey), sự im lặng hoàn toàn của Bắc Kinh phản ánh tình thế khó xử mà nước này đang lâm phải: nếu đàm phán thất bại, thì lập trường của lãnh đạo Trung Quốc hẳn sẽ được biện hộ, mặt khác, nếu tiếp tục lên án các cuộc đàm phán một khi chúng thành công sẽ làm Bắc Việt xa cách hơn nữa và đẩy họ sâu hơn vào vòng tay của 'những kẻ xét lại' (tức Liên Xô - NBT). Do đó, im lặng ngự trị trong suốt những ngày cuối tháng 10, và những ngày đầu tiên của tháng 11 cho đến mùng 03 tháng 11, tờ *Nhân dân Nhật báo* công bố toàn văn bài phát biểu của Tổng thống Johnson tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc Việt Nam, kèm theo nguyên văn lời đáp của chính phủ Việt Nam ĐCCH. Đối với công chúng Trung Quốc thông điệp cơ bản của sự kiện này là chính phủ Trung Quốc tạm hoãn phán xét Việt Nam "cho đến khi các cuộc đàm phán hoặc có tiến triển - hoặc ngược lại": về bản chất là để cho người Việt Nam tự quyết định.<sup>17</sup>

### **Chấp thuận thận trọng**

Trên thực tế, câu nói rằng để cho người Việt Nam tự quyết định là ngôn từ Mao Trạch Đông đã sử dụng chưa đầy hai tuần sau khi nghe báo cáo về cuộc gặp gỡ của Chu Ân Lai với Thủ tướng Bắc Việt Nam Phạm Văn Đồng.<sup>18</sup> Hai ngày sau đó, đích thân Mao nói với phái đoàn Việt Nam đến thăm Trung Quốc: "Chúng tôi nhất trí với khẩu hiệu của các bạn là vừa đánh vừa đàm. Có một số đồng chí lo rằng Hoa Kỳ sẽ đánh lừa các bạn. Nhưng tôi bảo họ không việc gì phải [lo]. Đàm phán cũng như thế là chiến đấu. Các bạn đã rút được kinh nghiệm, hiểu rõ các nguyên tắc".<sup>19</sup>

Cuộc gặp gỡ giữa Mao và Phạm Văn Đồng vào ngày 17 tháng Mười năm 1968 là một sự kiện quan trọng và nhạy cảm đối với cả hai bên. Sự chấp thuận của

Mao đối với chiến lược của Việt Nam vẫn là có điều kiện. Ông lái cuộc trò chuyện sang đề tài Hội nghị Geneva 1954 và, mặc dù khá lúng túng khi ông tuyên bố có thể không "nhớ hết toàn bộ câu chuyện", nhưng ông cũng thừa nhận rằng lúc đó thỏa hiệp là sai lầm, và rằng việc đưa vào trong bản thỏa thuận "một điều khoản về việc rút quân tập kết" về miền Bắc là một cơ hội bị đánh mất. Cũng như để tiến tới cải thiện quan hệ với Bắc Việt Nam sau nhiều tháng rất sóng gió, Mao đã tìm ra những nét tương đồng với vòng đàm phán hiện tại, và gián tiếp khuyên Việt Nam về những gì họ nên và không nên chấp nhận.<sup>20</sup> Ông cũng bắt đầu thăm dò thử quyết tâm tiếp tục chiến đấu của Việt Nam, và xem Việt Nam có sẵn lòng thỏa hiệp với việc cho phép quân đội Mỹ ở lại Nam Việt Nam hay không. Theo thói thường, Mao đã cố tình khiêu khích, khi nói với các vị khách Việt Nam rằng người Mỹ sẽ để cố vấn của họ ở lại Việt Nam. Khi nghe lời đáp lại chân thành cam đoan với Mao rằng họ [Việt Nam] sẽ không chấp nhận bất kỳ người Mỹ nào ở lại, ngay cả với tư cách là cố vấn, và rằng cuộc chiến đấu sẽ tiếp tục "cho đến khi miền Nam được hoàn toàn độc lập và tự do, cho đến khi đất nước thống nhất. Có làm như vậy, chúng tôi mới trung thành với lời dạy của chủ tịch [Hồ Chí Minh] của chúng tôi cũng như [chỉ dẫn] của đồng chí", Mao có vẻ hài lòng. "Nghĩ theo cách đó thì tốt... Nếu các đồng chí dựa vào đàm phán để buộc Mỹ phải ra đi thì rất khó".<sup>21</sup>

Sau giai đoạn tồi tệ nhất trong quan hệ Trung - Việt xảy ra vào tháng Mười, cuộc gặp gỡ này cũng là một cơ hội tốt để Bắc Việt Nam cải thiện mối quan hệ với "người anh lớn" của họ: thực ra, chính họ là người yêu cầu được gặp chủ tịch Mao.<sup>22</sup> Phạm Văn Đồng cố gắng gần như ngay lập tức chỉ ra rằng phái đoàn gồm có hai đồng chí miền Nam, là Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc)<sup>23</sup> và Lê Đức Anh, những người được Ban chấp hành Trung ương Đảng yêu cầu "tháp tùng các đồng chí Phạm Văn Đồng và Lê Thanh Nghị sang Trung Quốc để báo cáo với Chủ tịch Mao, Phó Chủ tịch Lâm Bưu, và các nhà lãnh đạo khác của Trung Quốc về tình hình miền Nam".<sup>24</sup> Thông điệp ở đây là nhằm đảm bảo rằng họ sẽ không làm theo lời khuyên "đầu hàng" của "những kẻ theo chủ nghĩa xét lại" Liên Xô và phản bội đồng bào miền Nam của mình. Trong suốt cuộc nói chuyện, ngôn ngữ của Nguyễn Văn Linh gần như là khúm núm, nói với Mao rằng lời khen ngợi của ông ta là sự khích lệ lớn lao đối với họ, rằng "chiến thắng giành được ở miền Nam, phần lớn là nhờ có sự giúp đỡ cũng như sự động viên của nhân dân Trung Quốc và [sự khích lệ] của đồng chí, Chủ tịch Mao ... Quân đội của chúng tôi rất cảm động khi biết rằng Chủ tịch Mao thậm chí cũng quan tâm đến sức khỏe của chúng tôi".<sup>25</sup> Rõ ràng là phía Việt Nam đã nỗ lực hết sức để thuyết phục Trung Quốc về quyết tâm đấu tranh đến cùng của họ, như lời Mao đã khuyên. Về phần Trung Quốc, Mao cố gắng động viên



Việt Nam rằng chiến lược "vừa đánh vừa đàm" của họ là thích hợp cho giai đoạn này của chiến dịch.

Đối với cả hai bên, điều làm cho giọng điệu mới đầy tôn trọng và hợp tác trở nên khả thi và đáng mong muốn, chính là việc Richard M. Nixon thăng cử trở thành Tổng thống Hoa Kỳ chưa đầy hai tuần trước đó. Đối với Bắc Việt Nam, với danh tiếng "Chiến binh Chiến tranh lạnh" của Nixon, thắng lợi của ông ta làm cho triển vọng một giải pháp nhanh bằng thương lượng dường như xa vời hơn, và do đó sự tiếp tục hỗ trợ của Trung Quốc, cả về tinh thần lẫn vật chất, là cần thiết. Tuy vậy, mặc dù có tiếng là cứng rắn với chủ nghĩa cộng sản, Nixon đã bày tỏ mong muốn có một hình thức mới trong quan hệ với Trung Quốc, đáng chú ý nhất là trong bài viết của ông vào tháng 10 năm 1967 cho tạp chí *Foreign Affairs* được xuất bản rộng rãi, do vậy mà khả năng của một mối quan hệ mới giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ được nâng lên trong bối cảnh mối đe dọa chiến lược đối với Trung Quốc ngày càng tăng từ phía Liên Xô. Bầu không khí mới tạo ra bởi việc thăng cử của Nixon, cùng với khả năng đem lại "những đổi mới" của nó, được Chu Ân Lai nhấn mạnh trong bài phát biểu với phái đoàn của Đảng Cách mạng Nhân dân Campuchia ngày 30 tháng 11, 1968.<sup>26</sup> Tuy nhiên, những đổi mới này đồng thời làm phát sinh mâu thuẫn mới trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc: làm thế nào để tiếp tục hỗ trợ Bắc Việt Nam và cuộc đấu tranh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong khi vẫn theo đuổi việc cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ.

### **'Những đổi mới'**

Trong suốt năm 1969, chiến lược toàn cầu của Trung Quốc có sự điều chỉnh lớn vì tình hình an ninh trên biên giới phía bắc của nước này xấu đi. Đầu năm 1969 đích thân Mao Trạch Đông ra lệnh công bố diễn văn nhậm chức của Nixon, trong đó tổng thống mới của Mỹ bày tỏ mong muốn phát triển quan hệ với *tất cả* các nước trên thế giới. Bài diễn văn này được đăng tải lại trên các tờ báo địa phương trên khắp Trung Quốc: một sự kiện thực sự chưa từng có. Vào tháng Ba năm 1969, diễn ra các cuộc đụng độ vũ trang lớn giữa các lực lượng Trung Quốc và Liên Xô tại đảo Trân Bảo trên sông Ussuri, con sông vạch một phần biên giới giữa hai quốc gia. Mặc dù bạo lực xảy ra là do Trung Quốc khai chiến trước, nhưng sức mạnh phản ứng của Liên Xô đã làm lãnh đạo Trung Quốc bất ngờ. Tại Đại hội lần thứ 9 Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) vào tháng Tư năm đó, nước này đã tuyên bố Liên Xô là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia không kém gì Mỹ; hơn nữa, xung đột vũ trang nghiêm trọng hơn đã xảy ra dọc biên giới tây bắc của Trung Quốc vào tháng Tám.<sup>27</sup>

Trong bối cảnh của những sự kiện ấy, đã diễn ra một cuộc thảo luận nội bộ, mà biểu hiện rõ nhất là các báo cáo của "Tứ trụ Nguyên soái", những người đã được Mao và Chu yêu cầu chú tâm đến và bàn thảo các vấn đề quốc tế quan trọng, rồi báo cáo lại về tình hình quốc tế. Giữa tháng Ba và tháng Mười, bốn nguyên soái đệ trình bốn báo cáo, với ba kết luận chủ chốt. Kết luận thứ nhất là, do những mâu thuẫn giữa hai bên, chiến tranh rất có khả năng xảy ra giữa Hoa Kỳ và Liên Xô hơn là giữa một trong hai, hoặc cả hai nước đó với Trung Quốc. Họ cũng kết luận rằng Liên Xô là mối đe dọa lớn hơn đối với Trung Quốc, và rằng Trung Quốc nên lợi dụng mâu thuẫn giữa hai nước kia. Phân tích này mang lại những hàm ý quan trọng cho quan điểm của Mao về cuộc chiến tranh Việt Nam. Hiểu rõ rằng châu Âu là ưu tiên chiến lược chính cho cả Mỹ và Liên Xô, kết hợp với sự khẳng định rằng Liên Xô bây giờ là một 'đế quốc - xã hội chủ nghĩa', có nghĩa là cuộc đấu tranh ở Đông Dương không còn là tâm điểm của tất cả những mâu thuẫn trên thế giới. Về phía Việt Nam, phân tích này có ý nghĩa lâu dài rất to lớn: trong khi Trung Quốc tiếp tục hỗ trợ cuộc đấu tranh của những người cộng sản Việt Nam đánh đuổi người Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, phương thức mà người Mỹ ra đi giờ đây đối với Bắc Kinh ít quan trọng hơn rất nhiều. Trước đây Mao tìm cách hạ nhục Hoa Kỳ ở Đông Nam Á, và phản đối mạnh mẽ bất cứ chính sách nào không làm được điều đó, nhưng giờ thì kết luận tất yếu của đường lối mới được lựa chọn tại Bắc Kinh là việc không hạ nhục Mỹ thực ra có lẽ lại được ưa chuộng hơn.<sup>28</sup>

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, thái độ của Trung Quốc đối với cuộc chiến Việt Nam phần lớn vẫn không thay đổi. Trên thực tế, các cuộc đụng độ vũ trang giữa Trung Quốc và Liên Xô đã khiến Trung Quốc thay đổi quan điểm ủng hộ thận trọng mà Mao đưa ra vào tháng 11 đối với chiến lược "vừa đánh vừa đàm" của Bắc Việt Nam vì lo ngại rằng khả năng Xô-Mỹ bắt tay thỏa hiệp tại Việt Nam một lần nữa lại gia tăng. Tháng Hai năm 1969, đài phát thanh Bắc Kinh không đưa tin gì về cuộc tổng tấn công đợt 4 ở miền Nam Việt Nam, trong lúc sự quan ngại của Trung Quốc gần như chắc chắn tăng lên với nhận xét của Nixon hồi giữa tháng Ba nhấn mạnh định hướng chống Trung Quốc của chương trình 'Phòng vệ' ABM (chống tên lửa đạn đạo) mà ông đã phê chuẩn, và ngụ ý rằng Mỹ và Liên Xô có lợi ích chung trong việc ngăn chặn Trung Quốc. Nỗi lo của Trung Quốc về tình trạng thông đồng (Xô - Mỹ) tăng lên, đi kèm với lo ngại về vai trò mà Việt Nam có thể có trong đó: cho tới tháng Tư một báo cáo về "cuộc cách mạng châu Á" đã không còn nhắc đến Việt Nam như một vị trí "tâm bão" của cách mạng. Một đoàn đại biểu của Văn phòng Trung ương Cục miền Nam Việt Nam (cơ quan lãnh đạo chiến tranh ở miền Nam Việt Nam) đã đến Bắc Kinh trong dịp Đại hội lần thứ 9 ĐCSTQ, và hội đàm với Thủ tướng Chu Ân Lai, qua đó làm bộc lộ sự đảo chiều trong suy nghĩ của các nhà lãnh

đạo Trung Quốc. Tất nhiên các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã cảnh báo các đồng chí Việt Nam của mình đừng đặt niềm tin vào việc đàm phán ở Paris, và quay lại đường lối đã thống lĩnh hầu như suốt năm 1968 bằng việc nhấn mạnh giải pháp quân sự cho cuộc xung đột. Trong các cuộc họp tiếp theo một tuần sau đó khi có sự hiện diện của Thủ tướng Bắc Việt Nam Phạm Văn Đồng, Chu làm rõ hơn quan điểm của Trung Quốc, bày tỏ quan ngại về lập trường đàm phán mà Việt Nam đang áp dụng trong hội đàm ở Paris, cảnh báo họ "không thể nào nghĩ rằng các đồng chí có thể đánh lừa được Hoa Kỳ và những kẻ theo chủ nghĩa xét lại Liên Xô bằng chiến thuật của mình". Ông kết luận với lời răn đe "các đồng chí nên dành ít ngoại tệ và [thời gian] của các cán bộ hơn cho việc đàm phán ở Paris". Các quan điểm này sau đó được nhắc lại tương tự trong cuộc trò chuyện với Lê Đức Thọ nhân chuyến thăm của Lý Tiên Niệm.<sup>29</sup>

Nghi ngờ của Trung Quốc về ý định tiếp tục chiến đấu của Bắc Việt Nam kéo dài đến tận mùa hè năm 1969, khi khả năng về một cuộc xung đột lớn giữa Trung Quốc và Liên Xô tăng lên. Vào cuối tháng Tám năm 1969, những cuộc đụng độ vũ trang đặc biệt nghiêm trọng xảy ra dọc biên giới Tân Cương của Trung Quốc với Liên Xô. Cũng vào khoảng thời gian đó, Lê Thanh Nghị dẫn đầu một phái đoàn Bắc Việt Nam sang Trung Quốc trao đổi thêm một lần nữa về viện trợ của Trung Quốc trong năm sau. Tuy nhiên, tại thời điểm này, Việt Nam chẳng nhận được gì hơn ngoài sự hỗ trợ tinh thần. Đối mặt với khả năng xảy ra chiến tranh với Liên Xô, Trung Quốc miễn cưỡng cam kết cung cấp nguồn lực cho đồng minh Việt Nam của họ, và nhấn mạnh với Việt Nam về tầm quan trọng của việc tự lực cánh sinh.<sup>30</sup> Phương hướng chiến lược tương lai của những người cộng sản Việt Nam cũng được Bắc Kinh quan tâm "Các đồng chí muốn tiếp tục chiến đấu hay muốn hòa bình? Trung Quốc phải biết câu trả lời trước khi xem xét vấn đề viện trợ?"<sup>31</sup> Tuy nhiên, đây không phải là sự đe dọa 'trắng trợn', như các nguồn tư liệu Việt Nam đã ngụ ý, mà đúng hơn là nỗ lực để có được sự đánh giá thực tế về nhu cầu của Bắc Việt Nam trong hoàn cảnh mà an ninh quốc gia của chính Trung Quốc đang bị đe dọa. Bản thân Trung Quốc cũng đã thông đồng với các đồng minh Bắc Việt Nam cất trữ trên đất Trung Quốc hàng hóa Liên Xô đã viện trợ cho Việt Nam ĐCCH mà Việt Nam chưa cần đến vào thời gian đó, nhưng họ "không muốn nói với Liên Xô rằng [các mặt hàng ấy] là không cần thiết".<sup>32</sup> Sau đó, vào mùa hè năm 1969, Bắc Kinh không muốn thấy sự giúp đỡ của họ cho Việt Nam rơi vào tình cảnh tương tự, nên nhu cầu quân sự của bản thân Trung Quốc đã được ưu tiên hơn. Tác động của điều này lên viện trợ của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam là rõ ràng: trong sáu tháng đầu năm 1969 Bắc Kinh chỉ thực hiện được 31,4% viện trợ như đã hứa cho Hà Nội. Các bộ phận quân hậu cần Trung Quốc tiếp tục rút khỏi Bắc Việt Nam sau khi đã hoàn

thành nhiệm vụ, và các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã hết sức dè dặt ký vào bất kỳ thỏa thuận viện trợ nào cho năm tới. Cho tới cuối mùa hè, cũng như 12 tháng trước đó, giữa Trung Quốc và các đồng chí Bắc Việt Nam đã có những bất đồng nghiêm trọng.<sup>33</sup>

Tuy nhiên, một bước ngoặt quan trọng xảy ra vào đầu tháng Chín khi Hồ Chí Minh qua đời. Hồ vẫn luôn là mối liên kết chính yếu giữa những người cộng sản Việt Nam và Trung Quốc cả về mặt văn hóa lẫn lịch sử. Ông vốn là một nhà cách mạng cùng thể hệ với Mao và Chu, có mối quan hệ cá nhân từ những ngày đầu của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Cộng sản Trung Quốc, và có quan hệ cá nhân thân thiết với Chu Ân Lai từ những ngày họ cùng hoạt động ở Paris sau Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất. Ông nói được nhiều phương ngữ Trung Quốc và uy tín cùng với quan hệ cá nhân của ông với Trung Quốc chắc chắn có ảnh hưởng tạo nên sự ôn hòa cho quan hệ của Hà Nội với Bắc Kinh. Khi ông không còn nữa, khả năng Bắc Việt thậm chí liên minh chặt chẽ hơn nữa với Liên Xô sẽ tăng lên. Vì vậy, chưa đầy ba tuần sau lễ tang của Hồ Chí Minh, hiệp định viện trợ kinh tế và quân sự cho năm 1970, vốn bị trì hoãn từ tháng Tư, đã được ký kết với những điều kiện mà Hà Nội cho là hào phóng đến bất ngờ. Khả năng xảy ra một cuộc chiến tranh toàn diện tức thì giữa Trung Quốc và Liên Xô giảm đi (sau cuộc gặp của Chu với Kosygin tại sân bay Bắc Kinh sau lễ tang của Hồ Chí Minh) đã cho phép lãnh đạo Trung Quốc nhìn xa hơn các yêu cầu an ninh quốc gia trước mắt để hướng tới một nền an ninh lâu dài, và điều này đòi hỏi phải duy trì quan hệ thân thiện với Bắc Việt Nam. Thêm vào đó, khi không còn Hồ Chí Minh, Trung Quốc cần thể hiện cử chỉ để khẳng định lại sự hậu thuẫn của mình đối với các đồng chí Việt Nam. Việt Nam đã chào đón hiệp định này như là "một biểu hiện rục rờ mới của tình hữu nghị và đoàn kết chiến đấu ngày càng được củng cố và phát triển giữa nhân dân Việt Nam và Trung Quốc anh em". Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Nam trong năm 1970 đạt mức thấp nhất trong các năm kể từ 1964, dẫn đến kết luận rằng viện trợ kinh tế chắc hẳn phải rất lớn.<sup>34</sup>

Những chuyến thăm tiếp theo của các quan chức cấp cao Bắc Việt Nam đã diễn ra. Ngay sau ngày ký kết hiệp định viện trợ, Phạm Văn Đồng đến Bắc Kinh để tham dự lễ kỷ niệm lần thứ hai mươi ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong thời gian đó ông đã tổ chức ba đợt hội đàm với Thủ tướng Trung Quốc trước khi lên đường tham dự lễ kỷ niệm quốc khánh Đông Đức và ghé thăm Liên Xô vào ngày 3 tháng Mười. Trong thời gian ông vắng mặt, Chu cũng đã tổ chức một loạt các buổi trao đổi với Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, và Chủ tịch Ban Cố vấn của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam, nhấn mạnh hơn nữa

sự đoàn kết của Trung Quốc với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của Việt Nam và mong muốn cải thiện quan hệ. Sau một loạt các cuộc hội đàm khác nữa với Phạm Văn Đồng (khi ông ghé qua Bắc Kinh trên đường trở về Hà Nội) vào cuối tháng Mười, báo chí chính thức của cả hai bên đều đăng tải những bài tường thuật nồng nhiệt về tình hữu nghị vốn có giữa hai dân tộc. Rõ ràng là vấn đề Việt Nam một lần nữa có tầm quan trọng trong chương trình nghị sự của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, và vào cuối tháng Chín đích thân Mao, trong một cuộc gặp gỡ với Phạm Văn Đồng, đã đề nghị thành lập các Nhóm chỉ đạo giúp đỡ Việt Nam tại bốn tỉnh của Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Hồ Nam) để thực hiện chức năng 'Căn cứ Trợ giúp Việt Nam'. Nhằm nâng cao hiệu quả việc giúp đỡ của Trung Quốc cho Việt Nam, các nhóm của bốn tỉnh này sẽ phải tổ chức hội đàm với các tỉnh đối tác phía Việt Nam là những nơi được nhận viện trợ. Một hiệp định thương mại tiếp theo được ký kết tại Bắc Kinh vào cuối tháng Mười. Nhu cầu quốc phòng riêng của Trung Quốc đã hạn chế khả năng của họ cung cấp vũ khí cho Bắc Việt Nam, nhưng mong muốn của các nhà lãnh đạo Trung Quốc chứng kiến những nhà cộng sản Việt Nam hất cẳng người Mỹ ra khỏi lãnh thổ của Việt Nam thì không thay đổi.<sup>35</sup>

Trong thời gian này, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã và đang theo đuổi những bước đi đầu tiên để xích lại gần nhau. Thông qua các nhà trung gian hòa giải người Rumani và Pakistan, Nixon truyền đi thông điệp rằng ông tin là Châu Á không thể "tiến lên" nếu một dân tộc lớn như Trung Quốc vẫn còn bị cô lập.<sup>36</sup> Ông tiếp tục chỉ thị cho đại sứ Mỹ tại Ba Lan, Walter Stoessel, tiếp cận với Trung Quốc nhằm khởi động lại các cuộc đàm phán cấp đại sứ tại Vacsava vốn bị trì hoãn kể từ tháng Giêng 1968. Stoessel đã nắm lấy cơ hội trong một cuộc trình diễn thời trang tại Đại sứ quán Nam Tư ở Vacsava vào đầu tháng 12 năm 1969, và thông điệp được vội vã chuyển đến Bắc Kinh rồi được Chu chuyển lên cho Mao. Sau khi được Mao chấp thuận, Chu thông báo cho Đại biện lâm thời Trung Quốc ở Vacsava (đại sứ đã được gọi về Bắc Kinh trong thời gian Cách mạng Văn hóa) phản ứng tích cực với sáng kiến của Mỹ, đồng thời ra lệnh thả hai người Mỹ bị bắt giữ vào hồi tháng Hai do xâm nhập trái phép vào vùng lãnh hải của Trung Quốc. Tin tức về việc phóng thích này đã được truyền đến người Mỹ thông qua đại sứ của họ tại Ba Lan. Việc liên lạc đã được thiết lập lại.<sup>37</sup>

Vào ngày mùng 8 tháng Giêng, Đại biện lâm thời Trung Quốc, Lôi Dương (Lei Yang), và đại sứ Mỹ đã gặp mặt không chính thức tại Đại sứ quán Hoa Kỳ và đồng ý tổ chức cuộc họp chính thức đầu tiên của họ vào ngày 20 tháng Giêng. Nhà sử học ngoại giao hàng đầu Trung Quốc Trương Bái Giả (Zhang Baijia) đã viết:

Chu Ân Lai vẫn ấp ủ mỗi ngày vực đáng kể về ý định của Nixon và do đó xử lý việc nối lại các cuộc đàm phán cấp đại sứ hết sức thận trọng. Trước đó Đài Loan vốn từng là vấn đề chính trong các cuộc đàm phán Trung-Mỹ, nhưng sau đó Hoa Kỳ rất ít nói đến đề tài này. Đối với Trung Quốc, một giải pháp về vấn đề Đài Loan là không thể tránh khỏi, bởi vì đó là điều kiện tiên quyết để bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ.<sup>38</sup>

Vấn đề này đã được nhấn mạnh trong một bức điện Washington nhận được vào ngày 15 tháng Giêng thông qua đại sứ Nam Tư ở Kabul, nhưng thêm vào một tình tiết bất ngờ: "Việt Nam không ảnh hưởng gì đến quan hệ Trung-Mỹ". Như Kissinger đã giải thích với tổng thống Mỹ: "Chúng ta phải rút khỏi Đài Loan. Tại Việt Nam, cuối cùng chúng ta cũng sẽ phải rút đi... Trung Quốc thúc bách chúng ta rút khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt và không nên nêu lên vấn đề này ở Vacsava. Chuyện này không ảnh hưởng gì đến quan hệ Mỹ-Trung".<sup>39</sup>

Cuộc gặp gỡ giữa Lôi và Stoessel đã diễn ra sau đó năm ngày, và Stoessel bày tỏ việc chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng gửi một phái viên đến Bắc Kinh, hoặc chấp nhận một phái viên đến Washington để thảo luận kỹ lưỡng hơn. Lôi trả lời rằng nếu Washington quan tâm đến việc "tổ chức các cuộc họp ở cấp cao hơn hoặc thông qua các kênh khác" thì họ phải trình bày các đề xuất cụ thể hơn. Trong cuộc họp tiếp theo vào ngày 20 tháng Hai, Trung Quốc trả lời rằng họ sẵn sàng tiếp một đại diện của tổng thống Mỹ tại Bắc Kinh, và cũng bày tỏ mong muốn cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ trên cơ sở của năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.<sup>40</sup> Tuy nhiên, đây dường như là cuộc họp cuối cùng của các cuộc đàm phán cấp đại sứ ở Vacsava, khi tình hình ở Đông Nam Á đã tạo thêm nhiều trở ngại cho cuộc đối thoại Trung-Mỹ.

## Campuchia

Vào giữa tháng Ba, Hoàng thân Campuchia Norodom Sihanouk, trong khi đang ở nước ngoài, đã bị lật đổ và thay thế bởi tướng Lon Nol thân Mỹ. Để tỏ cử chỉ ủng hộ Sihanouk, người đã từng ẩn náu ở Bắc Kinh, Trung Quốc hoãn vòng 137 trong tiến trình đàm phán Vacsava. Vì có chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của Tướng Kinh Quốc (con trai Tướng Giới Thạch) vào tháng Tư, người Mỹ sau đó đã hoãn cuộc họp đến ngày 20 tháng 5. Tuy nhiên, không phải là lần đầu tiên cuộc chiến tranh ở Đông Nam Á đã ảnh hưởng đến các sự kiện, và các cuộc đàm phán Vacsava đã không bao giờ được nối lại.<sup>41</sup>

Vào tháng Ba và tháng Tư, thông qua phản ứng đối với cuộc đảo chính ở Phnom Penh, các lãnh đạo Trung Quốc đã gửi một thông điệp rõ ràng đến Washington rằng dù tình hình ở Việt Nam như hiện tại không nhất thiết là một trở

ngại cho việc cải thiện quan hệ Trung-Mỹ, thì việc mở rộng chiến tranh hơn nữa sẽ chính là trở ngại. Cách thức công khai nhất mà qua đó thông điệp này được chuyển tải là Hội nghị thượng đỉnh nhân dân Đông Dương diễn ra vào cuối tháng Tư tại khu nghỉ dưỡng suối nước nóng Tòng Hóa (Conghua), tỉnh Quảng Đông. Những người tham dự chủ chốt (Thủ tướng Bắc Việt Nam Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Ban Cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, Hoàng thân Souphanouvong, lãnh tụ của Pathet Lào, và, tất nhiên, Sihanouk) nhận được sự hỗ trợ của Chu Ân Lai, người đã tham gia vào lễ bế mạc của sự kiện này để biểu lộ sự ủng hộ hoàn toàn của chính phủ và nhân dân Trung Quốc đối với tuyên bố chung mà hội nghị đưa ra, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của mặt trận không thể phá vỡ được của nhân dân các nước Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Campuchia, Lào và Việt Nam, những người sẽ "cùng nhau đoàn kết, chiến đấu và chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng".<sup>42</sup>

Khi Nixon ra lệnh xâm nhập bất ngờ vào Campuchia ngày 1 tháng 5 để xóa bỏ các căn cứ của cộng sản Việt Nam ở đó, Trung Quốc đã có những biện pháp để cho thấy rằng sự cải thiện quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ không cần thiết phải đạt được bằng bất cứ giá nào. Tuy nhiên ban đầu, Trung Quốc chỉ đơn thuần đưa ra lời cảnh cáo nghiêm khắc về hành động khiêu khích trắng trợn của Hoa Kỳ, và bày tỏ sự ủng hộ đối với Hội nghị nhân dân các nước Đông Dương.<sup>43</sup> Đích thân Mao thể hiện quan ngại của mình về bước ngoặt các sự kiện ở Đông Dương với các đồng chí Bắc Việt Nam tới thăm. Đồng thời, thể hiện lại quan điểm ủng hộ thận trọng đối với chiến lược của Việt Nam đưa ra 18 tháng trước, Mao nhắc Lê Duẩn rằng "Tôi không nói rằng các đồng chí không thể thương lượng, nhưng các đồng chí nên tập trung sức lực cho chiến đấu". Mối quan hệ của Trung Quốc với Mỹ rõ ràng cũng nằm trong tâm trí của Mao trong cuộc trò chuyện này, và Mao đặt ra nhiều câu hỏi tu từ để cập đến một Nixon không có mặt ở đó - "Các ông xâm lược một đất nước khác, vậy thì có gì sai khi chúng tôi ủng hộ nước này?" Bản chất nghịch lý của các chính sách mà Trung Quốc đang theo đuổi rõ ràng được cân nhắc rất nhiều, khi ông kết luận: "Chúng tôi không cần phải sợ hãi. Phân tích đến cùng thì chúng tôi không có quan hệ gì với các ông. Các ông đã chiếm đảo Đài Loan của chúng tôi, nhưng chúng tôi chưa bao giờ chiếm Long Island của các ông".<sup>44</sup> Ngày 16 tháng Năm Trung Quốc quyết định hoãn vòng tiếp theo của cuộc đàm phán cấp đại sứ ở Vacsava dự định diễn ra vào ngày 20 tháng Năm. Tuy nhiên, để nhấn mạnh tính chất có điều kiện của các cuộc tiếp xúc tiếp theo, và để tỏ ra rằng Trung Quốc sẽ không từ bỏ các đồng chí Đông Dương của mình, Mao còn được đề nghị cần phải đưa ra một tuyên bố nhắc lại sự ủng hộ của Trung Quốc đối với cuộc đấu

tranh của nhân dân Đông Dương và chính phủ Sihanouk. Sau đó quyết định đã được đưa ra nhằm tổ chức một cuộc biểu tình quần chúng ở Quảng trường Thiên An Môn vào ngày 21 tháng Năm có sự tham dự của Mao, Lâm Bưu, Chu và cả Sihanouk vừa mới bị lật đổ, người đã lập ra một chính phủ lưu vong ở Bắc Kinh. Những hành động này cũng được vạch ra để kiểm tra phản ứng của Hoa Kỳ, và mức độ nghiêm túc của họ trong việc cải thiện quan hệ với Trung Quốc.<sup>45</sup>

Việc hủy bỏ đàm phán được thông báo vào ngày 18 tháng Năm và rõ ràng đã làm Nixon lo ngại, đặc biệt khi các chiến dịch ở Campuchia trùng với các dấu hiệu tiến bộ trong cuộc đàm phán biên giới Trung-Xô. Tổng thống Mỹ hỏi cố vấn an ninh quốc gia của mình, "Nga và Trung Quốc lại đang có 'trò' nữa. Không có hòa dịu (détente), phải không?" Kissinger cam đoan với tổng thống rằng phản ứng của Trung Quốc, dẫu vẫn hiếu chiến như vậy, nhưng là những gì tốt nhất có thể hy vọng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Nhưng tổng thống rõ ràng vẫn quan ngại về các tác động có thể ảnh hưởng đến sách lược Trung Quốc của ông, và ra lệnh cho Kissinger "mở lại kênh liên lạc qua Paris ngay lập tức".<sup>46</sup>

Tuyên bố ngán nhân danh Mao vào ngày 20 tháng Năm, với tiêu đề "Nhân dân thế giới, hãy đoàn kết lại để đánh bại bọn xâm lược Mỹ và tất cả bè lũ tay sai của chúng!" mang rất nhiều sắc thái, đi chệch khỏi đường lối của Đại hội lần thứ 9 bằng việc chỉ chọn riêng Mỹ để đánh bại, và không nhắc gì đến cái tên Liên Xô. Tuy nhiên, quan trọng nhất là một thực tế rằng việc lên án Hoa Kỳ phần lớn bỏ qua khía cạnh tư tưởng, và chỉ tập trung vào các vấn đề chủ quyền quốc gia. Thông điệp dành cho Nixon đã rõ ràng: việc cải thiện quan hệ Trung - Mỹ phụ thuộc vào việc Mỹ tiếp tục xuống thang không can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương, nhằm tiến tới rút khỏi đó hoàn toàn. Một khi thực hiện được những điều như vậy mới có thể hợp tác được với nhau.<sup>47</sup>

Nhận chỉ thị của Nixon về việc thiết lập kênh Paris trước khi bản tuyên bố "Nhân dân thế giới đoàn kết lại" của Mao Trạch Đông được công bố, ngày 15 tháng 6 Thiếu tướng Vernon Walters, tùy viên quân sự Hoa Kỳ tại Paris, người chịu trách nhiệm bí mật tiếp xúc với Bắc Việt Nam ở đây, được lệnh chuyển một bức điện tới đối tác Trung Quốc của ông, trong đó bày tỏ mong muốn của Washington mở một kênh riêng khác để liên lạc. Trung Quốc không đáp lại những sáng kiến này, mặc dù vào tháng Bảy họ tuyên bố phóng thích khỏi nhà tù James Walsh, một giám mục người Mỹ, bị bắt giữ từ năm 1958 về tội hoạt động gián điệp và đang hấp hối vì bệnh ung thư. Không nản lòng bởi sự im lặng của phía bên kia, Mỹ tiếp tục tiến tới bằng những cử chỉ và tín hiệu thiện chí riêng của mình, nới lỏng một loạt các hạn chế thương mại được áp đặt để chống lại Trung Quốc. Tuy nhiên, các lãnh đạo



Trung Quốc vẫn không có phản ứng nào khác trong suốt mùa hè 1970. Điều này một phần nhằm khiến trách Nixon về vấn đề Campuchia, nhưng thực ra Mao cũng còn phải bận tâm với các công việc nội bộ: suốt cả mùa hè 1970 việc tranh chấp giữa Mao và Lâm Bưu chi phối bức tranh chính trị của Trung Quốc.<sup>48</sup>

## **Để Hà Nội làm những gì họ muốn**

Mặc dù Mao khao khát theo đuổi việc xích lại gần nhau với Hoa Kỳ để chống lại mối đe dọa Liên Xô ở phía bắc, kết quả ông mong mỏi vẫn là nhìn thấy người Mỹ bị đánh bật khỏi quốc gia ở phía Nam của mình. Tuy nhiên, điều kiện mà những hoàn cảnh mới đã đặt ra là Trung Quốc phải từ bỏ quan điểm trước đây của họ, là muốn thấy người Mỹ phải tháo chạy qua ngả Biển Đông bằng vũ lực, và bây giờ họ phải chuẩn bị sẵn sàng để thấy người Mỹ rút lui khỏi đây theo kết quả của một giải pháp thương lượng, nếu cần phải như vậy. Tuy nhiên, chỉ khi ở thế thượng phong Bắc Việt Nam mới có thể buộc người Mỹ phải ra đi, và để hỗ trợ cho họ trong nỗ lực này vào mùa hè năm 1970, Trung Quốc đã thực hiện phương thức chủ động hơn nhiều trong việc giúp đỡ Việt Nam. Việc Mỹ tập trung vào ngăn chặn con đường tiếp viện dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh (mà các chiến dịch Campuchia phần nào nhằm mục đích này), đặc biệt là duy trì các vụ không kích ác liệt, đã làm cản trở các con đường tiếp tế của cộng sản vào miền Nam Việt Nam. Trong những cuộc hội đàm với Phạm Văn Đồng tháng Chín 1970, Chu đã tự phê trước người đồng nhiệm phía Việt Nam, nói rằng: "đồng chí Mao thường nhắc nhở chúng tôi phải hiểu được những khó khăn của các đồng chí và giúp các đồng chí giải quyết chúng, phải coi đó như chính khó khăn của chúng tôi bởi vì mối quan hệ của chúng ta là mối quan hệ giữa tiền tuyến và hậu phương... Hậu phương lớn phải giúp đỡ tiền tuyến." Như đã ghi nhận, mặc dù viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Nam trong năm 1970 đạt mức thấp nhất trong các năm kể từ 1964, sự giúp đỡ về kinh tế rõ ràng hẳn phải khá lớn, và đi đôi với lời của Chu Ân Lai, Trung Quốc đã tìm kiếm những biện pháp nâng cao hiệu quả viện trợ của họ. Vào một thời điểm trước đó trong mùa hè, người đứng đầu ủy ban liên lạc kinh tế đối ngoại của ĐCS Trung Quốc, Phương Di (Fang Yi), đã được Chu Ân Lai cử đến thăm Việt Nam nhằm đánh giá làm thế nào để giúp đỡ Bắc Việt Nam hiệu quả hơn cho dù Mỹ tăng cường ném bom đường mòn Hồ Chí Minh, và làm thế nào để khôi phục lại cơ sở hạ tầng mà trước đây Trung Quốc đã giúp xây dựng và nay bị bom đạn của Mỹ phá hủy. Cũng trong buổi gặp gỡ này, Chu tiếp tục nhận xét với Đồng rằng: "Báo cáo của đồng chí Phương Di về chuyến thăm Việt Nam mới đây là một tài liệu hữu ích để tìm hiểu tình hình ở Việt Nam". Những kiến nghị của Phương Di đã được Ban chấp hành

Trung ương Đảng chấp thuận, nhưng không bao gồm việc phái công binh Trung Quốc quay trở lại Việt Nam.<sup>49</sup>

Đồng thời, có thể nhận thấy một sự thay đổi tinh tế trong thái độ của Trung Quốc đối với các cuộc đàm phán Paris, có liên quan đến các động thái giữa Bắc Kinh và Washington. Tới đầu tháng Chín, sau khi giải quyết xong những vấn đề với Lâm Bưu tại Hội nghị Lư Sơn, một lần nữa, Mao đã có thể quay sang quan tâm đến Hoa Kỳ. Hệ quả tất yếu của việc này là tăng cường đảm bảo cho chiến lược ngoại giao của Bắc Việt Nam. Ngày 19 Tháng Chín Chu tán dương Phạm Văn Đồng về kinh nghiệm mà Việt Nam đã giành được trong cuộc đấu tranh ngoại giao, và khen ngợi Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Nguyễn Thị Bình và trưởng đoàn đàm phán Bắc Việt Nam Xuân Thủy về khả năng đàm phán của họ. Trong một buổi trò chuyện quan trọng sau đó bốn ngày, Mao, một cách khôn khéo, đã gắn kết ba vấn đề là kỹ năng đàm phán của Bắc Việt Nam, hậu thuẫn của Trung Quốc cho Việt Nam, và mong muốn của Mỹ đến Bắc Kinh để hội đàm. Mao hỏi Thủ tướng Bắc Việt Nam Phạm Văn Đồng: "Tại sao người Mỹ không làm ầm lên về chuyện hơn 100.000 quân Trung Quốc đã giúp các đồng chí xây dựng đường sắt, đường bộ và sân bay mặc dù họ biết chuyện đó?" Khi Đồng trả lời: "Dĩ nhiên, do họ sợ", Mao vặn lại, "Đáng ra họ phải làm ầm lên về việc này ... [nhưng] Nếu họ làm như vậy, sau đó họ sẽ làm gì? Người Mỹ muốn đến Bắc Kinh để đàm phán. Đó là những gì họ đề xuất ... Sau đó, họ không dám đến ... Tôi thấy rằng các đồng chí có thể tiến hành đấu tranh ngoại giao và đã làm được rất tốt ... Lúc đầu chúng tôi hơi lo một chút rằng các đồng chí bị gài bẫy. Nay chúng tôi không còn lo nữa".<sup>50</sup> Lời nói của Mao hàm chứa một số thông điệp cho Đồng: Thứ nhất, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đưa quân đội tới Bắc Việt Nam, bất chấp thực tế rằng nước Mỹ sẽ biết chuyện đó. Điều này chứng tỏ Trung Quốc không sợ đối đầu với Mỹ trong việc giúp đỡ Việt Nam: người sợ chính là Mỹ. Thứ hai, cũng như Bắc Việt Nam đã tỏ ra thành công trong việc đàm phán với Mỹ và không lùi bước, Trung Quốc cũng sẽ như vậy. Cuối cùng, người Mỹ đang tìm cách đến Bắc Kinh để đàm phán, chứ không phải ngược lại: Trung Quốc không có gì phải sợ nói chuyện với Mỹ, và Bắc Việt Nam cũng vậy. Mao kết luận cuộc họp với lời khen dành cho Việt Nam: "Các đồng chí đang chiến đấu rất giỏi trên chiến trường. Chính sách đấu tranh ngoại giao của các đồng chí là đúng đắn. Chúng tôi phải để cho các đồng chí làm những gì mà các đồng chí muốn".<sup>51</sup>

Để đáp lại những lời đề nghị xa hơn của Nixon thông qua Pakistan và Rumani, vào tháng 11 các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã gửi tin nhắn qua cả hai trung gian rằng họ sẽ tiếp đón một đại diện riêng của Tổng thống Nixon tại Bắc Kinh để hội đàm về việc 'giải quyết vấn đề Đài Loan', mặc dù các bên trung gian

nhận được chỉ thị trì hoãn việc chuyển những bức điện này đi.<sup>52</sup> Đồng thời, Trung Quốc tiếp tục đối xử tử tế với các đồng chí Việt Nam. Mao đích thân tăng khối lượng tặng phẩm của Hội chữ thập đỏ Trung Quốc cho Việt Nam lên 150% và cũng trong tháng đó, Bộ Ngoại thương Trung Quốc ra lệnh phải đáp ứng càng nhanh càng tốt các cam kết viện trợ cho Việt Nam trong năm tới.<sup>53</sup>

Washington, sau khi nhận được thông điệp từ trung gian hòa giải Pakistan vào ngày 09 tháng 12, đã gửi thư trả lời cho Bắc Kinh một tuần sau đó, và ngay lập tức cố gắng gắn kết vấn đề Đài Loan với vấn đề Việt Nam, nói rằng: "Tuy nhiên, về hiện diện của quân đội Mỹ trên đất Đài Loan, chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ là tiết giảm sự có mặt của quân đội Mỹ trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương khi căng thẳng trong khu vực này đã lắng xuống." Đây hẳn là động tác đầu tiên trong chuỗi các kế hoạch mà Kissinger muốn thực hiện nhằm cố gắng buộc Bắc Kinh gây áp lực lên Hà Nội phải hợp tác tại bàn đàm phán Paris.<sup>54</sup>

Tuy nhiên, trong những ngày cuối cùng của năm 1970, và suốt vài tháng đầu năm 1971, việc xích lại gần nhau Trung – Mỹ phần nào bị đình trệ, nguyên nhân là do cả hai yếu tố chính kết hợp lại: thứ nhất, do mất tín hiệu và sự thiếu chắc chắn, nói một cách đơn giản, không bên nào biết rõ phải làm gì tiếp theo. Yếu tố thứ hai một lần nữa lại được phát hiện là vấn đề Đông Dương, khi cuộc xâm lược chung của cả Nam Việt Nam và Mỹ sang Lào từ tháng Giêng tới tháng Ba đã làm trì hoãn quá trình này.<sup>55</sup>

## Ảnh hưởng của Lào

Giai đoạn đầu tiên của cuộc hành quân Lam Sơn 719 (cuộc xâm nhập của Nam Việt Nam và Mỹ sang Lào) bắt đầu vào ngày 29 tháng Giêng và, mặc dù dự định là phải bí mật, nhưng đã sớm bị rò rỉ trên báo chí Mỹ. Ngày mùng 4 tháng Hai tờ *Nhân dân Nhật báo* ra lời "tố cáo hùng hồn đối với các chiến dịch tại Lào. Nhưng cũng giống như năm trước đối với vấn đề Campuchia, bài báo thận trọng né tránh công kích cá nhân Nixon". Để nhấn mạnh điểm này, cùng ngày thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc đã chuyển một thông điệp tới đại sứ Na Uy tại Bắc Kinh để truyền đến Washington, trong đó nêu rõ, theo lời của Kissinger rằng "Trung Quốc đã nhận thức được xu hướng mới trong chính sách của Mỹ. Cuộc chiến ở Đông Dương làm cho các cuộc đàm phán Vacsava không thể nối lại... nhưng sớm hay muộn Trung Quốc sẽ muốn ngồi vào bàn đàm phán với chúng ta".<sup>56</sup> Tuy nhiên, giữa hai bên không có những bước tiến xa hơn trong khi các chiến dịch của Nam Việt Nam tại đất Lào vẫn đang diễn ra. Ngày 12 tháng Hai, Chu tiếp đón một phái đoàn kinh tế Bắc Việt Nam do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị dẫn đầu. Trong buổi lễ Nghị mời Thủ tướng

Trung Quốc sang thăm Bắc Việt Nam, và được Chu nhận lời. Ba ngày sau, hiệp định về "một gói viện trợ bổ sung về kinh tế và quân sự cho Hà Nội mà chính những người cộng sản Việt Nam sau đó đã thừa nhận là rất hào phóng", trị giá khoảng 15 triệu nhân dân tệ, đã được ký kết.<sup>57</sup> Ngày 3 tháng Ba Bộ Chính trị họp để thảo luận các vấn đề cho chuyến viếng thăm Hà Nội sắp tới của Chu, và quyết tâm củng cố đường lối hành động của Trung Quốc trong việc giúp đỡ Việt Nam mặc dầu bản tuyên bố được công bố nhằm hỗ trợ các quyết định nói trên đã tách rời cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam ra khỏi cuộc đấu tranh của các dân tộc Đông Dương khác.<sup>58</sup> Dẫu sao, nó cũng có tác dụng là tuyên bố công khai mạnh mẽ tiếp tục hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Để nhấn mạnh hơn nữa ý định của tuyên bố này, một phái đoàn cấp cao Trung Quốc viếng thăm Hà Nội từ ngày 05 đến ngày 08 tháng Ba, do Chu Ân Lai dẫn đầu, nhưng còn có mặt cả Diệp Kiếm Anh, Phó Chủ tịch Quân Ủy Trung ương, Yuan Huaping, Cục trưởng Cục Vũ khí thuộc Tổng cục Hậu cần Quân đội Giải phóng Nhân dân (QĐGPND), và Qiu Huizhuo, phó Tham mưu trưởng QĐGPND. Sự nổi trội của các quân nhân tham gia đoàn đại biểu cho thấy rằng Trung Quốc có ý định biểu thị mạnh mẽ sự ủng hộ các nỗ lực đấu tranh của Việt Nam, và chắc chắn điều này được gắn liền với cả hai sự kiện ở Lào và sự mở đầu mối quan hệ Trung-Mỹ. Trong thời gian ở Hà Nội, Chu Ân Lai đã phát biểu trước một cuộc tuần hành quần chúng khi ông nhân danh Mao công khai khẳng định lại sự hậu thuẫn của Trung Quốc đối với Việt Nam. Tuy nhiên, các đồng chí Việt Nam rõ ràng là lo lắng, và đã yêu cầu Chu làm mũi nhọn dẫn đầu một "Mặt trận nhân dân toàn thế giới" mà trong đó hẳn sẽ bao gồm cả Liên Xô để chống Mỹ và các đế quốc khác. Tuy nhiên, chẳng có gì bất ngờ khi Thủ tướng Trung Quốc không sẵn sàng tham gia vào một phong trào như vậy. Chúng ta không biết các bài phát biểu của Chu ở Hà Nội liệu chỉ đơn thuần là nói bóng gió với các đồng chí Việt Nam của họ về những mâu thuẫn có thể đang ở phía trước khi Trung Quốc tiếp tục theo đuổi việc xích lại gần nhau với Hoa Kỳ hay không, mặc dù với không khí trò chuyện giữa Chu và Phạm Văn Đồng, rõ ràng là phía Việt Nam đã biết điều gì đó đang diễn ra giữa Washington và Bắc Kinh. Chu cố sức nhấn mạnh rằng không thể hy sinh "cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc vì lợi ích mối quan hệ giữa các chính phủ... Chỉ những kẻ phản bội mới làm thế". Tại một đoạn quan trọng khác trong bài phát biểu của mình, khi giải thích mối nguy hiểm trong việc gia nhập vào một Mặt trận thống nhất với Liên Xô, ông nhấn mạnh rằng "chính sách đối ngoại của một quốc gia là sản phẩm của lịch sử; *liệu nước đó có xích lại với một nước khác sớm hơn hay muộn hơn*, tất cả đều là sản phẩm của lịch sử, và nó không thể lợi dụng những vấn đề khó khăn hay thành công của bất kỳ quốc gia nào khác để phục vụ cho chính sách đối ngoại của mình". Bằng

cách gợi lên hình ảnh của Liên Xô đang tiến hành một chính sách như vậy, và lên án nước này, Chu đã đưa ra đảm bảo trước rằng đường lối hành động tương lai của Trung Quốc đối với Mỹ sẽ tuân theo chuẩn mực đạo đức. Tuy nhiên, dường như các đồng chí ở Hà Nội đã không cảm thấy thuyết phục bởi lời bảo đảm trên. Do tính chất công khai của nhiều cử chỉ thân thiện giữa Trung Quốc và Mỹ, họ chắc chắn có thể cảm nhận được động cơ đang được xây dựng đằng sau việc xích lại gần nhau giữa Trung Quốc và Mỹ, và lo sợ những hậu quả của nó. Nỗ lực thuyết phục Trung Quốc tham gia vào Mặt trận Nhân dân toàn thế giới với Liên Xô chính là nỗ lực ngăn chặn tiến trình này.<sup>59</sup>

### **Quan hệ cá nhân: Chu Ân Lai và Kissinger**

Vào tháng Tư, sau khi cuộc hành quân Lam Sơn 719 đã kết thúc, tại Giải Vô địch Bóng bàn Thế giới ở Nagoya, Nhật Bản, các thành viên của đội Trung Quốc và Hoa Kỳ có cơ hội gặp gỡ nhau, và lời nhận xét dường như vô tình của một trong những vận động viên Mỹ rằng anh ta sẽ rất vui được đến thăm Trung Quốc đã dẫn đến sự kiện "ngoại giao bóng bàn". Ba tuần sau khi Trung Quốc mời đội bóng bàn Mỹ sang thăm, Kissinger nhận được từ Đại sứ Pakistan ở Washington một bức điện của Chu Ân Lai, chính thức mời một đại diện của tổng thống, hoặc đích thân ngài tổng thống, công cán Bắc Kinh để hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Quốc.<sup>60</sup>

Để chuẩn bị cho cuộc hội đàm lịch sử giữa Kissinger và Chu, theo chỉ thị của Mao, Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc họp ngày 26 tháng Năm để thảo luận vấn đề quan hệ Trung - Mỹ. Trong khi cuộc thảo luận chủ yếu tập trung xoay quanh vấn đề Đài Loan và đưa việc giải quyết vấn đề Đài Loan trở thành vấn đề then chốt hàng đầu (*sine qua non*) cho việc đàm phán, điểm thứ tám trong tám nội dung chính mà cuộc họp thông qua là "chính phủ Trung Quốc duy trì quan điểm cho rằng các lực lượng quân sự của Mỹ phải rút khỏi ba nước Đông Dương, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á có liên quan để bảo đảm hòa bình ở vùng Viễn Đông". Cuộc họp kết thúc bằng việc đề cập đến tác động của việc hòa giải với Mỹ có thể ảnh hưởng đến cuộc chiến ở Đông Dương và các cuộc hòa đàm ở Paris như thế nào. Cuộc họp kết luận rằng hội đàm Trung-Mỹ

có thể làm dậy sóng một thời gian, nhưng một khi [vấn đề] đã được bàn thảo rõ ràng, nó sẽ rất hữu ích đối với cuộc kháng chiến ở Đông Dương và các cuộc đàm phán Paris vì Nixon đã biết rằng tâm điểm của cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Liên Xô giành quyền bá chủ nằm tại Trung Đông và châu Âu, chứ không nằm ở vùng Viễn Đông. Nếu các cuộc đàm phán Trung-Mỹ tiến triển tốt, điều

này chắc chắn sẽ giúp ích rất nhiều cho việc rút lui của quân đội [Mỹ] và quá trình đàm phán ở Paris.

Ba ngày sau đó bản báo cáo được Mao phê duyệt.<sup>61</sup>

Ngay từ đầu, áp lực lên trục Bắc Kinh-Hà Nội chính là những gì mà Kissinger tìm cách đạt được. Ông ta cảm thấy mục đích của mình "nhìn chung là sẽ làm cho Trung Quốc hiểu ra luận điểm rằng chúng ta thực sự muốn họ phải trả một cái giá nào đó cho những gì họ mong đợi có được, đặc biệt là hội nghị thượng đỉnh, và tìm ra các tiêu chí *có qua có lại*", mà tiêu chí đầu tiên là "các dấu hiệu đủ chắc chắn nhằm đảm bảo rằng Trung Quốc sẽ sử dụng ảnh hưởng của họ đối với Bắc Việt Nam để buộc nước này tiến tới một giải pháp hòa bình và chấp nhận được về chiến tranh Việt Nam".<sup>62</sup> Trong khi Trung Quốc xác định rằng tiến bộ về vấn đề Đài Loan là cần thiết để có được tiến bộ trong đàm phán giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, họ bằng lòng hoãn lại vấn đề này khi đã đạt được thỏa thuận về mặt nguyên tắc rằng Mỹ sẽ không ủng hộ bất kỳ phong trào độc lập nào của Đài Loan, và sẵn sàng rút phần lớn lực lượng vũ trang của họ khỏi hòn đảo này sau khi kết thúc chiến tranh Việt Nam. Nhờ vậy, ở chừng mực nào đó Trung Quốc ngầm chấp nhận ý tưởng liên kết của Nixon và Kissinger. Trong bối cảnh kém an ninh mà Trung Quốc đang gặp phải, Bắc Kinh đã vui mừng chấp thuận những lợi ích ngắn hạn cụ thể (Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam và tiếp theo là cắt giảm lực lượng ở Đài Loan) và hoãn giải quyết các vấn đề khó hơn liên quan đến Đài Loan và hoàn toàn bình thường hóa quan hệ.

Ngày 09 tháng Bảy trong lúc Chu Ân Lai và Henry Kissinger tiến hành đàm phán ở Bắc Kinh, Chu đã ra sức xác định Đông Dương là vấn đề cấp bách nhất trong quan hệ Trung - Mỹ. Thủ tướng Trung Quốc nói chuyện rất kỹ càng về tính chất trường kỳ của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, và thực tế là mặc dù Trung Quốc đã hỗ trợ Việt Nam suốt thời gian qua, họ chưa bao giờ đưa quân (chiến đấu) nào vào Việt Nam, và ông đã mất rất nhiều công sức để chỉ ra rằng cả phía Việt Nam cũng chưa từng yêu cầu họ đưa quân sang. Thông điệp mà Chu chuyển tới ngài cố vấn an ninh quốc gia Mỹ không chỉ là (Bắc) Việt Nam lớn mạnh và độc lập và sẽ không từ bỏ cuộc đấu tranh chống lại Hoa Kỳ, mà đây còn là một vấn đề hoàn toàn của Việt Nam. Tuy nhiên, cùng lúc Chu cũng bày tỏ ủng hộ mạnh mẽ sự kiên quyết của Việt Nam ĐCCH trong việc loại bỏ chế độ Nguyễn Văn Thiệu ở miền Nam Việt Nam, miêu tả ông ta như cái 'đuôi' mà người Mỹ không nên để lại sau khi rút lui. Ông cũng nhiều lần nhấn mạnh rằng Trung Quốc sẽ không can thiệp vào các cuộc thương lượng giữa Bắc Việt Nam và Hoa Kỳ.<sup>63</sup>

Bất chấp cảnh báo của Chu, Kissinger vẫn không tin rằng Trung Quốc sẽ không gây áp lực lên Bắc Việt Nam nhằm đi đến một giải pháp nhanh chóng về vấn đề chiến tranh.<sup>64</sup> Trong lúc việc thuyết phục Kissinger rằng Trung Quốc sẽ không can thiệp vào các cuộc đàm phán giữa Bắc Việt Nam và Mỹ đã tỏ ra khó khăn thì việc thuyết phục Bắc Việt Nam tin vào điều này thậm chí sẽ còn khó khăn hơn thế nhiều. Kết quả là, hai ngày sau khi Kissinger ra về Chu đã bay tới Hà Nội để thông báo cho Bắc Việt Nam về chuyến thăm của Kissinger và kế hoạch hội nghị thượng đỉnh với Nixon trước khi đưa ra công khai vào ngày 16 tháng Bảy. Chúng ta biết rằng Lê Duẩn đã buộc tội Chu làm mất đi yếu tố bất ngờ trong chiến thuật chống Hoa Kỳ của họ: "Như vậy là chuyến thăm của Kissinger được thiết kế nhằm ngăn chặn những bất ngờ này". Và Việt Nam chắc hẳn đã có nhiều nhận xét không hài lòng hơn thế trong chuyến thăm này. Sau khi Chu trở về Bắc Kinh, tờ *Nhân Dân* tại Hà Nội cho in một bài xã luận với tiêu đề "Học thuyết Nixon sẽ đi đến thất bại", trong đó nhắc tới các cuộc đàm phán Trung - Mỹ với thái độ chỉ trích. Chu định tìm cách đăng tải lại toàn văn bài báo này trên tờ *Nhân dân Nhật báo* như một tín hiệu rằng thái độ của Trung Quốc là 'cởi mở và trung thực', nhưng việc này đã bị chặn lại bởi Trương Xuân Kiêu, một trong 'Bè lũ Bốn tên'.<sup>65</sup>

Từ ngày 20 tới 26 tháng 10 Kissinger quay trở lại Bắc Kinh để thảo luận thêm nhằm chuẩn bị cho chuyến thăm của Nixon, và để chuẩn bị bản dự thảo ban đầu của tuyên bố chung sẽ được công bố cùng với chuyến thăm của Nixon. Việc soạn thảo thông cáo chung và thảo luận về những trù liệu kỹ thuật cho 'hội nghị thượng đỉnh' chiếm phần lớn thời gian của chuyến thăm này, nhưng chắc chắn một phần các cuộc hội đàm là để dành cho vấn đề Đông Dương. Tuy nhiên, Kissinger ghi nhận rằng các cuộc thảo luận "nói chung tương tự như các cuộc họp được tổ chức trong tháng Bảy", mặc dù ông nói thêm: "Chúng ta không thể kỳ vọng Bắc Kinh gây ảnh hưởng mạnh với những người bạn của họ. Chúng ta có thể mong đợi họ giúp nâng cao khả năng đạt được một giải pháp thương lượng nếu những thực tại khách quan khác tạo điều kiện cho Hà Nội chấp nhận một thỏa thuận". Với mong muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc, Nixon và Kissinger đã từ bỏ kỳ vọng về một sự *có đi có lại* trong vấn đề Việt Nam.<sup>66</sup>

Vào cuối tháng 11 năm 1971, một phái đoàn đảng và chính phủ Bắc Việt Nam, do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã đến thăm Bắc Kinh. Nước chủ nhà Trung Quốc đã tổ chức rất nhiều hoạt động quảng bá trên các phương tiện truyền thông về chuyến thăm này, và để đánh dấu sự kiện này một bức ảnh cỡ lớn của Phạm Văn Đồng được đăng trên trang bìa của tờ *Nhân dân Nhật báo*, cùng với một bài xã luận đặc biệt. Tất cả rõ ràng được trù tính nhằm để trấn an Việt Nam cũng như người dân trong nước đang rất bối rối rằng Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục hậu thuẫn

cho cuộc đấu tranh ở phía nam biên giới của mình. Một bài phân tích của Hoa Kỳ về bài phát biểu của hai thủ tướng và thông cáo chung của chính phủ nước CHND Trung Hoa và chính phủ Việt Nam DCCH đã nhận ra rằng 'tuyên bố của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về cuộc hội đàm tại Bắc Kinh trong bữa tiệc cuối cùng đã miêu tả một cách không mấy nồng nhiệt là chuyến thăm này "đã đạt được kết quả đáng hài lòng", chắc chắn là do việc Mao thẳng thừng từ chối yêu cầu của Thủ tướng Bắc Việt Nam hủy bỏ chuyến thăm của Nixon. Mặt khác, thông cáo chung đã cam kết ủng hộ giải pháp bảy điểm mà Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam đề xuất và nhấn mạnh hai luận điểm cơ bản, 'Một là, Chính phủ Hoa Kỳ phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, chấm dứt chính sách 'Việt Nam hóa chiến tranh', rút toàn bộ và vô điều kiện tất cả quân đội, cố vấn và nhân viên quân sự ra khỏi Việt Nam' và 'Hai là, Chính phủ Mỹ phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, ngừng viện trợ cho, và từ bỏ tất cả các cam kết với bè lũ phát xít Nguyễn Văn Thiệu'. Về tiến trình đàm phán hòa bình của Việt Nam, Trung Quốc vẫn đồng ý với đường lối của Đảng Lao động Việt Nam. Trong chuyến đi đến Bắc Kinh vào tháng sau đó với tư cách tiền trạm cho chuyến thăm của Nixon, Tướng Alexander Haig phát biểu cảm tưởng rằng sự trợ giúp của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam chỉ ở mức tối thiểu để ngăn không cho quan hệ Trung-Việt xấu đi. Tuy nhiên, hồ sơ ghi chép các cuộc đàm thoại trong chuyến đi của Haig thể hiện điều này là không đúng, và quả thực nếu đúng là như vậy thì Trung Quốc hẳn đã phải trả một giá rất đắt khi cam kết viện trợ khoảng 3,61 tỷ nhân dân tệ cho Bắc Việt Nam riêng năm 1971.<sup>67</sup>

### **Chính trị hội nghị thượng đỉnh**

Bước sang năm 1972, đường lối của Bắc Kinh không thay đổi, và mâu thuẫn cơ bản vẫn tồn tại khi Bắc Kinh theo đuổi cải thiện quan hệ với Washington trong lúc tiếp tục ủng hộ nỗ lực chiến tranh của Hà Nội. Tháng Mười Hai năm 1971, nhằm cố gắng cản trở miền Bắc tăng cường quân số, Nixon ra lệnh đánh bom hai ngày mạn nam vĩ tuyến 20 của Việt Nam DCCH, và cảnh báo Bắc Kinh và Matxcơva rằng nếu Bắc Việt Nam tấn công, Mỹ sẽ có biện pháp trả đũa nghiêm khắc. Trung Quốc không trả lời. Vào ngày 25 tháng Giêng, khi Nixon tuyên bố sự tồn tại của các cuộc đàm phán bí mật ở Paris, các bức điện cũng đồng thời được gửi đến Bắc Kinh và Matxcơva nhằm đưa ra những nét chính về lập trường đàm phán của Mỹ, tuyên bố rằng Hoa Kỳ "đã đi đến giới hạn của những gì chúng tôi có thể đề nghị trong danh dự. Chúng tôi sẽ phản ứng mạnh nếu Hà Nội đáp trả bằng một cuộc tấn công quân sự". Trung Quốc đã phản ứng hết sức giận dữ, tố cáo Mỹ có mưu đồ 'lôi kéo' Trung



Quốc vào cuộc ở Đông Nam Á, và lên án đề xuất của Mỹ là "hoàn toàn không hợp lý mà còn là một âm mưu để kéo dài chiến tranh và tiếp tục can thiệp công việc nội bộ của Việt Nam".<sup>68</sup> Dẫu sao, phản ứng này không gây trở ngại gì cho kế hoạch chuyển thăm của Nixon.

Bất chấp phản đối của Bắc Việt Nam, chuyến thăm Trung Quốc của Richard Nixon diễn ra vào tháng Hai năm 1972. Bắc Việt Nam thể hiện sự chống đối bằng cách từ chối tham dự lễ mừng năm mới của Trung Quốc do Đại sứ quán Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội. Hành động phản đối yếu ớt này làm lộ rõ sự bất lực của họ nhằm cản trở chiến lược ngoại giao của Bắc Kinh. Bằng cách thức khác với thông lệ thể hiện qua Thông cáo chung Thượng Hải, theo đó mỗi bên lần lượt phát biểu quan điểm của mình, trong đó có quan điểm đối lập về vấn đề Đông Dương, hội nghị thượng đỉnh đã là một thành công đối với cả người Mỹ lẫn người Trung Quốc. Ngày 03 tháng Ba, bốn ngày sau khi Nixon rời khỏi Trung Quốc, Chu đã bay tới Hà Nội để cập nhật thông tin cho các lãnh đạo Đảng Lao Động Việt Nam về cuộc hội đàm với tổng thống Mỹ.<sup>69</sup>

Để đáp lại việc phát động đợt 'Tấn công Mùa Xuân' của những người cộng sản ở miền Nam Việt Nam, đầu tháng Năm Nixon ra lệnh mở chiến dịch ném bom ác liệt trên diện rộng ở miền Bắc Việt Nam, có mật danh là Linebacker, trong đó bao gồm việc đánh bom các địa điểm ở Hà Nội và Hải Phòng, và thả thủy lôi phong tỏa cảng Hải Phòng và các cảng khác. Trên thực tế, viện trợ từ Trung Quốc để đối phó với ảnh hưởng của việc đánh bom là rất lớn, nhưng có giới hạn rõ ràng. Ban đầu Trung Quốc từ chối yêu cầu nhắc lại của Liên Xô cho phép tàu của họ sử dụng các cảng Trung Quốc, chỉ mãi sau mới đồng ý sau khi đích thân Bắc Việt Nam nhiều lần lặp lại yêu cầu đó. Tháng Năm họ gửi cho Việt Nam 12 tàu quét mìn và bốn tàu hộ tống, và còn cung cấp cả 150 tàu hàng cỡ 50 tấn để hoạt động trên tuyến đường bí mật. Năm đường ống dẫn dầu với tổng chiều dài 159km cũng được xây dựng từ biên giới với Trung Quốc, cung cấp khoảng 160.000 tấn dầu cho Việt Nam trong sáu tháng cuối năm 1972.<sup>70</sup> Họ cũng đồng ý bổ sung vào các thỏa thuận viện trợ cho năm 1973 việc vận chuyển 1,4 triệu tấn hàng hóa từ Đông Âu và Liên Xô đang được tạm thời lưu kho ở Trung Quốc, cử 719 chuyên gia Trung Quốc, và trước khi kết thúc năm đồng ý cung cấp thêm 3.000 xe tải theo yêu cầu của Việt Nam trong số một loạt các biện pháp khác nhau, đáp ứng được khoảng 75% yêu cầu về vật chất của Bắc Việt Nam.<sup>71</sup>

Dù giúp đỡ về mặt hậu cần cho Việt Nam để chống lại ảnh hưởng của việc đánh bom và phong tỏa, Trung Quốc lại hạn chế phản đối Hoa Kỳ về mặt ngoại

giao. Ngày 16 tháng Năm, Hoàng Hoa (Huang Hua), Đại sứ Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc, nói với Kissinger rằng:

Tuyên bố của Tổng thống Nixon ngày 8 tháng Năm liên quan đến những hành động gần đây không nhằm mục đích chấm dứt mà là leo thang chiến tranh ... Chính phủ Trung Quốc sẽ ủng hộ nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược và giải phóng dân tộc của họ, cho tới thắng lợi cuối cùng... Theo quan điểm của chúng tôi [cuộc chiến tranh Việt Nam] không phải là một vấn đề quá phức tạp... Nhưng tôi sẽ không tranh luận với ngài về vấn đề này.

Sau đó Hoàng quay ngay sang nói chuyện về hội nghị thượng đỉnh Matxcơva sắp diễn ra, và sau đó là chuyến thăm Trung Quốc sau đó của Kissinger như đã dự kiến. Trung Quốc đã không vì lợi ích của người đồng minh Việt Nam của mình mà từ bỏ lợi ích của họ với Mỹ, điều được giảm nhẹ phần nào bởi quyết định của Liên Xô cũng không hủy bỏ cuộc họp thượng đỉnh với Nixon ở Matxcơva.<sup>72</sup>

Hội nghị thượng đỉnh Matxcơva tỏ ra là một bước ngoặt trong thái độ của Trung Quốc đối với các cuộc hòa đàm Paris. Chính sách 'bên miệng hố chiến tranh' của Nixon đã được đền đáp: Liên Xô đã không hủy bỏ cuộc họp thượng đỉnh này; sự thành công trong thương lượng về Hạn chế Vũ khí Chiến lược (SALT) khiến Bắc Kinh lo lắng cho tương lai mối quan hệ của họ với Washington, và lo ngại hơn nữa về Liên Xô. Vì vậy mà Trung Quốc càng mong muốn mãnh liệt thấy Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam, và quan tâm nhiều hơn đến giải pháp chính trị về Việt Nam. Như chính Kissinger đã ghi nhận trong một bức giắc thư gửi cho tổng thống, chuyến thăm Bắc Kinh của ông ta nhằm cập nhật thông tin cho Chu về kết quả của hội nghị thượng đỉnh Matxcơva bao gồm "các cuộc bàn thảo đầu tiên thực sự chi tiết với Trung Quốc về vấn đề Việt Nam. Chúng tôi còn đi xa hơn việc nhắc lại lịch sử và các quan điểm chính thức để chuyển sang trao đổi cụ thể về một giải pháp cho cuộc chiến và hậu quả của nó".<sup>73</sup> Tới giai đoạn này, Chu hoàn toàn đã tin là Hoa Kỳ quyết tâm không lật đổ Thiệu, và hơn nữa tỏ ra nghi ngờ về khả năng 'tổng cổ Thiệu đi' của George McGovern nếu ông ta trúng cử.<sup>74</sup> Tuy nhiên, Chu đã tư vấn cho Kissinger về đường lối hành động hiện tại của Mỹ, nhiều lần nhắc nhở ông ta rằng nếu họ dồn "Việt Nam vào thế chân tường thì rồi họ sẽ phải thất vọng", và chỉ ra rằng việc đánh bom của Mỹ sẽ tiếp tục là một nguồn xung đột tiềm tàng giữa hai quốc gia vì Trung Quốc sẽ không ngừng viện trợ cho người láng giềng phía nam của họ (mặc dù Chu đã để lại ấn tượng rằng Trung Quốc chủ yếu là cung cấp lương thực cho Bắc Việt Nam).<sup>75</sup>

Sau chuyến thăm Bắc Kinh của Kissinger, Trung Quốc bắt đầu nghiêm túc khuyên Bắc Việt Nam sớm giải quyết chiến tranh, và nếu cần thiết cho phép Thiệu

vẫn giữ nguyên địa vị 'thủ lĩnh' phe cánh hữu. Ngày 06 tháng 7, Chu Ân Lai đã bay từ Thượng Hải đến Côn Minh để hội đàm với Phạm Văn Đồng về các cuộc đàm phán hòa bình ở Paris, và để thông báo cho Đồng nội dung cuộc hội đàm của ông ta với Kissinger. Đây là một dấu hiệu cho thấy Bắc Kinh ngày càng háo hức muốn giải quyết cuộc chiến ở Đông Dương và cần thiết phải trấn an các đồng chí Việt Nam, những người vẫn còn hết sức bất an về việc Trung Quốc xích lại gần Hoa Kỳ. Ngày hôm sau, Chu tiếp tục hội đàm với Xuân Thủy và Lý Ban tại Bắc Kinh. Trong lúc đặt trách nhiệm lên vai Hoa Kỳ về sự tiến bộ của tình hình, Chu nói với Xuân Thủy và Lý Ban "việc cuộc chiến ở Việt Nam tiếp tục hoặc được giải quyết bằng thương lượng. . . sẽ được quyết định trong bốn tháng hết sức quan trọng là từ tháng Bảy đến tháng Mười năm nay". Đó cũng là thông điệp ông đã nói với Phạm Văn Đồng ngày hôm trước.<sup>76</sup> Trong khi ám chỉ đến những thực tế quân sự và chính trị mà Xuân Thủy và Lý Ban chắc chắn đã biết (mùa mưa kết thúc và cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới), Chu cũng biểu lộ rõ hy vọng của Trung Quốc rằng cuộc chiến sẽ kết thúc vào tháng Mười. Năm ngày sau Chu thậm chí còn tuyên bố rõ ràng hơn. Trong khi thừa nhận rằng "Tất nhiên làm thế nào để giải quyết vấn đề là công việc của các anh... với tư cách là đồng chí chúng tôi muốn nhắc đến kinh nghiệm của chúng tôi", thì ông cũng nhắc nhở [Lê Đức] Thọ rằng "Trong lực lượng thân Mỹ, Thiệu là thủ lĩnh ... [K]hông thể đạt được kết quả gì nếu chúng tôi khẳng định đòi đàm phán với các bộ trưởng của Tưởng [Giới Thạch] mà không phải là với chính Tưởng... [C]húng ta phải nói chuyện với các thủ lĩnh ... Đây là những thực tế lịch sử. Bộ Chính trị ĐCSQT đã thảo luận vấn đề này, nhưng tùy các anh quyết định".<sup>77</sup>

Vào tháng Tám, trong khi Phạm Văn Đồng đang đi nghỉ ở Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Chu nhắn tin cho ông truyền đạt ý kiến của Mao rằng việc cho phép hình thành một chính phủ liên minh ba bên là đúng, nhưng trước hết và quan trọng nhất là nên cho phép người Mỹ rút đi và trao đổi tù nhân, sau đó thành lập chính phủ liên minh và đàm phán trực tiếp với Nguyễn Văn Thiệu. Khi nào "đàm phán thất bại, lúc đó sẽ đánh tiếp, khi các đồng chí cho rằng quân đội Mỹ sẽ không thể quay lại".<sup>78</sup> Thái độ này được Bắc Kinh tiếp tục duy trì cho đến khi kết thúc chiến tranh. Vào cuối tháng Tám, Lê Đức Thọ đưa các kiến nghị lên bàn đàm phán Paris, thể hiện một quan điểm mềm mỏng hơn của họ về thành phần của một chính phủ liên hợp ở miền Nam Việt Nam, với kết quả là chính phủ này có thể bao gồm cả Thiệu. Tuy nhiên, cần thận trọng, không nên rút ra quá nhiều kết luận về ảnh hưởng của Trung Quốc đối với nhượng bộ này. Như đã đề cập ở trên, ngoài các yếu tố bên ngoài có thể đã ảnh hưởng đến thái độ của Trung Quốc, thì cả Hà Nội lẫn Bắc Kinh đều đang xem xét cùng một thực tế quân sự trên thực địa ở miền Nam Việt Nam,

cũng như thực tế chính trị ở Hoa Kỳ. Điều này khởi đầu cho bước tiến triển mà cuối cùng đã dẫn đến việc ký kết Hiệp định Hòa bình Paris tháng Giêng 1973.<sup>79</sup>

## Kết luận

Sẽ là đơn giản thái quá nếu lý giải về thái độ và chính sách của Bắc Kinh đối với cuộc chiến tranh Việt Nam mà chỉ chấp nhận lời giải thích rằng Trung Quốc đã 'phản bội' Bắc Việt Nam, hay "không còn quan tâm" đến cuộc xung đột Đông Dương kể từ cuối 1968 trở đi trong quá trình theo đuổi đối thoại riêng của họ với Hoa Kỳ. Sự thực là sau những năm cao trào của Cách mạng Văn hóa (từ 1969 trở đi), Trung Quốc không còn thấy hấp dẫn trong việc sử dụng cuộc chiến tranh này như một phương cách làm suy yếu hoặc làm bẽ mặt Hoa Kỳ. Nhưng trong lúc Trung Quốc tìm cách cải thiện quan hệ với Washington để chống lại mối đe dọa an ninh ngày càng tăng từ phía Liên Xô, Trung Quốc vẫn tiếp tục hậu thuẫn cho nỗ lực chiến tranh của Bắc Việt Nam.

Người ta cho rằng viện trợ của Trung Quốc trong giai đoạn 1971-1973 (ba năm Trung Quốc viện trợ lớn nhất) là ở mức "tối thiểu" nhằm ngăn không cho quan hệ Trung-Việt trở nên tồi tệ hơn. Điều này chắc chắn tạo ấn tượng rằng Bắc Kinh hẳn quan tâm đến việc nuôi dưỡng quan hệ với Washington. Tuy nhiên, cáo buộc này đã bỏ qua những ràng buộc về hệ tư tưởng và tình cảm khiến lãnh đạo Trung Quốc phải tiếp tục hỗ trợ Bắc Việt Nam giành chiến thắng. Chính Kissinger đã ghi nhận một "tình cảm lớn dành cho người anh em Bắc Việt Nam đang chiến đấu đến từ phía Trung Quốc nhiều hơn là từ phía Liên Xô. Sự lãnh đạo Trung Quốc của Mao, Chu và các cộng sự khác, là sự lãnh đạo của một thể hệ cách mạng, mà cuộc đấu tranh của chính họ gắn liền với cuộc đấu tranh của Việt Nam đã kéo dài suốt 50 năm qua. Có lẽ quan trọng hơn, người Trung Quốc vẫn coi Việt Nam là một phần trong "vũ trụ văn hóa" của Trung Quốc, và do vậy phải có trách nhiệm tinh thần đối với vận mệnh người "anh em" và cuộc đấu tranh cách mạng của họ. Những sai lầm năm 1954, và di sản lịch sử mà mối quan hệ giữa một đế chế Trung Hoa và một chư hầu Việt Nam để lại là những vấn đề thực sự đã làm cho "một nước Trung Hoa mới" tăng cường ủng hộ cho chiến thắng của Cộng sản Việt Nam, điều làm phát sinh bản chất mâu thuẫn trong chính sách của nước này. Người ta rất chú ý đến việc Trung Quốc không có khả năng gây ảnh hưởng lên Hà Nội trong giai đoạn 1969-1972, mặc dù có câu hỏi đặt ra rằng Bắc Kinh thực sự tìm cách gây áp lực lên Việt Nam ĐCCH đến mức độ nào.<sup>80</sup>

Người Mỹ, ít nhất hiểu được sự cần thiết của Trung Quốc không muốn đẩy Bắc Việt Nam vào vòng tay của Liên Xô, cho phép Trung Quốc duy trì chính sách

mâu thuẫn này, trong khi cùng lúc cho phép bản thân làm ngư chuyện Bắc Kinh tiếp tục hỗ trợ Bắc Việt Nam, và từ bỏ kỳ vọng ban đầu rằng Trung Quốc sẽ gây áp lực cứng rắn lên Hà Nội. Ít nhất là trong lĩnh vực này, cũng giống như Hồ Chí Minh, Chu và Mao đã tìm cách duy trì một thế cân bằng khó khăn giữa hai đồng minh (ngầm) đối kháng lẫn nhau. Hoặc có thể là họ nghĩ như vậy. Tuy nhiên, quan hệ Bắc Kinh - Hà Nội xấu đi nhanh chóng sau chiến thắng của miền Bắc đối với chế độ Sài Gòn tháng Tư năm 1975 cho thấy rằng Mao và Chu đã không điều khiển được Hà Nội khéo léo như họ nghĩ.

Trong quá trình bốn năm này, khi tình hình an ninh quốc gia xấu đi và Trung Quốc bắt đầu theo đuổi việc xích lại gần Hoa Kỳ, quan điểm của họ về một giải pháp thương lượng cho cuộc chiến ở Việt Nam đã mềm dẻo dần từ chỗ hoàn toàn phản đối tới chỗ ngầm tán thành và không can thiệp. Tuy nhiên, họ vẫn duy trì mục tiêu chiến lược của mình là Mỹ rút quân khỏi Đông Dương, và tăng cường viện trợ cho Bắc Việt Nam để thúc đẩy quá trình này. Vào cuối mùa xuân năm 1972 lập trường của Bắc Kinh về một giải pháp thương lượng còn mềm dẻo hơn nữa, khi các nhà lãnh đạo Trung Quốc bắt đầu khuyên Hà Nội rằng họ phải ngừng đòi hạ bệ Nguyễn Văn Thiệu. Chuyển thăm Matxcova thành công của Nixon chắc chắn đóng một vai trò trong đó, nhưng tới lúc này Kissinger cũng đã thuyết phục thành công Chu Ân Lai rằng Mỹ sẽ không chấp thuận đòi hỏi đó (tức hạ bệ Thiệu), và cuộc phản công mùa xuân cũng đã không làm được điều này thông qua vũ lực. Trước tháng 11 năm 1968, khi Trung Quốc phản đối đàm phán hòa bình, họ thường nhắc nhở các đồng chí Việt Nam rằng Việt Nam sẽ không giành được trên bàn đàm phán những gì họ đã không giành được trên chiến trường; năm 1972 Trung Quốc đã thúc giục Việt Nam thỏa hiệp cũng chính vì lý do này.<sup>81</sup>

Trên nhiều khía cạnh, những hệ quả trực tiếp của việc xích lại gần nhau Trung-Mỹ là thực sự tích cực đối với Hà Nội: Trung Quốc không can thiệp vào các cuộc hòa đàm và tăng cường viện trợ. Tuy nhiên, một cách gián tiếp, việc Trung - Mỹ xích lại gần nhau làm Nixon mạnh bạo hơn trong chiến dịch ném bom năm 1972 của mình, vì ông ta ít lo ngại Trung Quốc can thiệp hơn, và mỗi quan hệ này cũng củng cố vị thế trong nước của ông ta. Những gì Hà Nội muốn là Trung Quốc trì hoãn việc xích lại gần nhau với Mỹ cho đến khi kết thúc chiến tranh Việt Nam. Ngay cả trước khi Kissinger có mặt tại Bắc Kinh, trên cơ sở hàng trăm cuộc phỏng vấn với tù binh chiến tranh của Bắc Việt Nam, Douglas Pike đã tóm tắt thái độ của Bắc Việt Nam đối với sự giúp đỡ của Trung Quốc và Nga như sau: "[K]hi tôi suy nghĩ về điều này tôi không nghĩ đến những gì họ đã làm cho chúng ta. Tôi chỉ nghĩ về những gì họ đã không làm cho chúng ta. Điều đó còn lớn hơn nhiều".<sup>82</sup> Khi chưa nhìn thấy các hồ sơ từ phía Hà Nội chúng ta chưa thể chắc chắn, nhưng rất có thể sự thực là

như vậy, rằng ngay cả sau khi đã giành chiến thắng cuối cùng năm 1975, ký ức còn sống động nhất trong tâm trí các nhà lãnh đạo Bắc Việt không phải Trung Quốc đã làm được gì, mà là những gì nước này đã không làm được (cho Việt Nam).

## Chú thích

- [1] Westad *et al.*, *77 Conversations*. Để bảo đảm bí mật nguồn gốc của tài liệu, các biên tập viên của *77 Conversations* không thể tiết lộ nguồn gốc của biên bản cuộc đối thoại có trong bài viết, tuy nhiên, tác giả có lý do để tin rằng chúng có thật. Rắc rối hơn là một thực tế rằng đây chỉ là một phần tài liệu, và có thể được bên cung cấp những tài liệu này lựa chọn để biên tập; cần phải lưu ý tới điều này khi làm việc với các tài liệu đó.
- [2] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 90.
- [3] Zhai, *China and the Vietnam Wars*, trang 172.
- [4] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 122.
- [5] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 252–253; Liu and Mastny, 'Proceedings', trang 111; Dillon *et al.*, 'Who Was the Principal Enemy?', trang 466. Bài nghiên cứu về 'các biểu tượng thù địch' mà Trung Quốc sử dụng để mô tả Hoa Kỳ và Liên Xô này cũng lưu ý rằng (theo cách đo lường của nước này), sau khi xảy ra cuộc xâm lược, sự thù địch của Trung Quốc đối với Liên Xô còn lớn hơn đối với Hoa Kỳ bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian 1968-1969.
- [6] Telno 70, Hanoi to Foreign Office, 30 August 1968, The National Archives of the UK (TNA): Public Records Office (PRO) FCO 15/538
- [7] Pike, 'Democratic National Convention'; Pike, 'Nguyen Thanh Le Holds Press Meeting in Paris'.
- [8] Pike, 'The Bombing Halt and Peking's Deathly Hush'.
- [9] Taylor, *China and Southeast Asia*, trang 61.
- [10] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 262.
- [11] Pike, 'The Bombing Halt and Peking's Deathly Hush'; Ministry of Foreign Affairs Vietnam, *The Truth about Vietnam-China Relations*, trang 36; Ministry of Foreign Affairs PRC, *Zhou Enlai wajijiao*, trang 531; Pike, 'Eye on China'; Qu Aiguo, 'Zhongguo zhiyuan', esp. 91–101; Chen Jian, *Mao's China and the Cold War*, trang 235.
- [12] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 136–137
- [13] Như trên.
- [14] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 2.

- [15] Bản ghi nhớ mật của L. Giles, 'North Vietnam and Czechoslovakia', 4 September 1968, TNA: PRO FCO 15/538.
- [16] Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars*, trang 136; Gaiduk, *The Soviet Union and the Vietnam War*, trang 64.
- [17] Pike, 'Wait and See?'
- [18] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 266.
- [19] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 143.
- [20] Như trên, trang 139.
- [21] Như trên, trang 140–141.
- [22] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 137 và 206.
- [23] Nguyễn Văn Linh thực sự là người gốc Bắc, nhưng đã trải qua phần lớn cuộc đời ở miền Nam. Xem Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 144 và 210.
- [24] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 145.
- [25] Như trên, trang 145–146.
- [26] Để biết một cuộc thảo luận đầy đủ và thú vị về sự thay đổi môi trường an ninh và ý thức hệ mà Trung Quốc phải đối mặt trong năm 1969, xem Chen Jian, *Mao's China and the Cold War*, trang 238–247.
- [28] Zhang Baijia, 'The Changing International Scene', trang 69–70.
- [29] Kissinger, *White House Years*, trang 170; Taylor, *China and Southeast Asia*, trang 61; Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 154–157.
- [30] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 154–157.
- [31] Foreign Ministry Vietnam, *The Truth About Vietnam–China Relations* (còn có tên gọi là *Sách Trắng*), trang 37. Bây giờ đã rõ là rất nhiều trích dẫn trong Sách Trắng được diễn giải hoặc tệ hơn là bị bỏ ra khỏi ngữ cảnh, ví dụ như xem nhận xét của Trần Nghị 17 tháng Mười 1968, Sách Trắng, trang 37; Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 137.
- [32] Liu and Mastny, 'China and Eastern Europe', trang 67.
- [33] 'Sujun zongsanmoubu jiancha zongju guanyu guoji xingshi diaocha gei sugong zhongyang de baogao' [Báo cáo của Cục trưởng Cục tình báo của Bộ Tham mưu Quân đội Liên Xô gửi cho Ủy ban Trung ương Cộng sản Liên Xô về việc Khảo sát Tình hình Quốc tế], ngày 15 tháng Tám 1969. (Cảm ơn Li Danhui đã cho tôi một bản dịch tiếng Trung của tài liệu này của Liên Xô. Đáng tiếc là nó không có nguồn tài liệu tham khảo lưu trữ bản gốc.)

- [34] Ang Cheng Guan, *Ending the Vietnam War*, trang 30. Xem Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars*, trang 136.
- [35] Foreign Ministry PRC, *Zhou Enlai waijiao*, trang 540–546; CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 324–330; Ang Cheng Guan, *Ending the Vietnam War*, trang 30–31; Li Danhui, 'Zhong-su Chongtu', trang 31; Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 224.
- [36] Kissinger, *White House Years*, trang 180–181.
- [37] Zhang Baijia và Jia Qingguo, 'Steering Wheel, Shock Absorber and Diplomatic Probe', trang 195; CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 336–337.
- [38] Zhang Baijia và Jia Qingguo, 'Steering Wheel, Shock Absorber and Diplomatic Probe', trang 196. [39] Telcon, The President/Kissinger, 6:10 p.m., 15 January 1970, file 8, box 3, Henry A. Kissinger Telephone Conversation Transcripts, Nixon Presidential Materials Project, National Archives at College Park, College Park MD (Sau đây được trích dẫn là NA II).
- [40] Chen Jian, *Mao's China and the Cold War*, trang 251.
- [41] Kissinger, *White House Years*, trang 692–693.
- [42] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 363–364.
- [43] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 365.
- [44] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 164–165.
- [45] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 366–367; Li Danhui, 'Zhong-mei huanhe yu yuan yue kang mei', trang 69.
- [46] Telcon, The President and Henry Kissinger, 19 May 1970, file 1, box 853, Files for the President – Lord: Vietnam Negotiations, National Security Council Files, Nixon Presidential Materials Project, NA II; Kissinger, *White House Years*, trang 694.
- [47] 'People of the World, Unite and Defeat the US Aggressors and All Their Running Dogs!', *Peking Review*, 23 May 1970. [48] Holdridge, *Crossing The Divide*, trang 41; Kissinger, *White House Years*, trang 496–498; Chen Jian, *Mao's China and the Cold War*, trang 253.
- [49] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 172–173; Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 228.
- [50] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 173–174.
- [51] Như trên.
- [52] Chen Jian, *Mao's China and the Cold War*, trang 254.
- [53] Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 228.



- [54] Kissinger, *White House Years*, trang 702.
- [55] "[C]ó một khoảng thời gian tạm ngừng các mối quan hệ. Như các bạn đã biết, một trong những lý do là sự kiện Campuchia xảy ra hồi năm ngoái, và năm nay là Chiến dịch Đường 9 [Lam Sơn 719]. Điều này không gì khác là ảnh hưởng đến các mối quan hệ của chúng tôi." Chu Ân Lai hội đàm với Henry Kissinger, bản ghi nhớ cuộc đàm thoại, Zhou Enlai and Henry Kissinger, 9 July 1971, file 2, box 1032, National Security Council Files/Files for the President/China, Nixon Presidential Materials Project, NA II.
- [56] Kissinger, *White House Years*, trang 706.
- [57] Ang Cheng Guan, *Ending the Vietnam War*, trang 67; Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 229; CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 436.
- [58] Li Danhui, 'Zhong-mei huanhe yu yuan yue kang mei', trang 70; CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 441.
- [59] Ang Cheng Guan, *Ending the Vietnam War*, trang 68–69; Foreign Ministry PRC, *Zhou Enlai waijiao*, trang 580–581; CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 441–442 (nhấn mạnh do thêm vào).
- [60] Để có thông tin chi tiết hơn về sự kiện ngoại giao bóng bàn và việc chuẩn bị cho chuyến thăm bí mật của Kissinger đến Bắc Kinh, xem Chen Jian, *Mao's China and the Cold War*, trang 257–268; Kissinger, *White House Years*, trang 708–732.
- [61] Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 231.
- [62] Scope paper, Polo I – Briefing Book for the President, July 1971, file 1, box 1032, National Security Council Files/Files for the President/China, Nixon Presidential Materials Project, NA II.
- [63] Polo II briefing book, October 1971, file 1, box 1034, National Security Council Files/Files for the President/China, Nixon Presidential Materials Project, NA II; xem thêm bản ghi nhớ cuộc đối thoại (chuyên đề) – Indochina, Zhou Enlai and Henry Kissinger, 9–11 July 1971, Polo I record, file 2, box 1034, như trên.
- [64] Bản ghi nhớ về Chủ tịch Trung Quốc của Henry, 'My Talks with Zhou Enlai', 14 July 1971, National Security Council Files/Files for Pres/China/1032/2
- [65] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 469; Westad *et al*, *77 Conversations*, trang 179.
- [66] Bản ghi nhớ về Chủ tịch Trung Quốc của Henry Kissinger, 'My October China Visit: Discussions of the Issues', November 1971, file 1, box 1035, National Security Council Files/Files for the President/China, Nixon Presidential Materials Project, NA II.
- [67] Ross, *Negotiating Cooperation*, trang 49; Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 232–233. Đường như có sự chênh lệch giữa số lượng viện trợ

mà Shen Zhihua ước tính Trung Quốc đã trao cho Bắc Việt Nam, và số lượng theo các nguồn tài liệu tham khảo chính khác: Shen Zhihua viết rằng trong năm 1970 và 1971 Trung Quốc đã viện trợ quân sự cho Bắc Việt Nam nhiều hơn 20 năm trước gộp lại. Xem Li Ke and Hao Shengzhang, eds., *Wenhua dageming Zhong de renmin Jiefangjun*. Beijing: Zhonggong Dangshi Ziliao Chubanshe, trang 1989, 416.

- [68] Kissinger, *White House Years*, 1043; memo for the record, VernonWalters, 30 January 1972, file 3, box 849, National Security Council Files/Files for the President/Lord/China, Nixon Presidential Materials Project, NA II.
- [69] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 559.
- [70] Qu Aiguo, 'Zhongguo zhiyuan', trang 101. Con số này là tính toán riêng của tác giả trên cơ sở rằng trong bốn năm hoạt động các đường ống cung cấp tổng cộng khoảng 1,3 triệu tấn dầu.
- [71] Như trên; Shen Zhihua, 'Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao', trang 236–238.
- [72] Bản ghi nhớ cuộc đàm thoại, Henry Kissinger and Huang Hua, 16 May 1972, file 4, box 849, National Security Files/Files for the President/Lord/China Trip – Vietnam, Nixon Presidential Materials Project, NA II; Kissinger, *White House Years*, trang 1192–1193, 1195.
- [73] Bản ghi nhớ về Chủ tịch Trung Quốc của Henry Kissinger, 27 June 1972, 'My Trip to Peking, June 19–23, 1972', file 5, box 97, Henry A. Kissinger Office Files, National Security Council Files, Nixon Presidential Materials Project, NA II.
- [74] Bản ghi nhớ cuộc đàm thoại, Zhou Enlai and Henry Kissinger, 20 June 1972, file 4, box 97, Henry Kissinger Office Files, National Security Council Files, Nixon Presidential Materials Project, NA II.
- [75] Như trên.
- [76] CCP Research, *Zhou Enlai nianpu*, tập 3, trang 534; PRC Ministry of Foreign Affairs, *Zhou Enlai waijiao*, trang 636; Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 179.
- [77] Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 180–181.
- [78] Li Danhui, 'Zhong-mei huanhe yu yuan yue kang mei', trang 75.
- [79] Kissinger, *White House Years*, trang 1316; Li Danhui, 'Zhong-mei huanhe yu yuanyue kang mei', trang 75.
- [80] Để có được phân tích ban đầu, nhưng khá hữu ích, xem liệu Bắc Kinh có 'phản bội' Hà Nội không, xem Garver, 'Sino- Vietnamese Conflict'.
- [81] Ví dụ, xem Westad *et al.*, *77 Conversations*, trang 132.
- [82] Pike, 'China, North Vietnam and Ping-Pong Balls'.

## Tài liệu tham khảo

- CCP Central Documentary Research Department (CCP Research). *Zhou Enlai nianpu*. [A Chronicle of Zhou Enlai's Life]. 3 vols. Beijing: Zhongyang Wenxian, 1997.
- Chen Jian. *Mao's China and the Cold War*. Chapel Hill, NC: University of North Carolina, 2001.
- Dillon, Linda, D., Bruce Burton and Walter C. Soderlund. "Who Was the Principal Enemy?: Shifts in Chinese Perceptions of the Two Superpowers, 1968–1969." *Asian Survey* 17, no. 5 (May 1977): 456–473.
- Gaiduk Ilya. *The Soviet Union and the Vietnam War*. Chicago: I.R. Dee, 1994.
- Garver, John. "Sino-Vietnamese Conflict and the Sino-American Rapprochement." *Political Science Quarterly* 96, no. 3 (Autumn 1981): 445–64.
- Holdridge, John. *Crossing The Divide*. Lanham, MD: Rowman & Littlefield, 1997.
- Kissinger, Henry. *White House Years*. Boston, MA: Little, Brown & Co., 1979.
- Li Danhui. "Zhong-su zai yuan yue kang mei wenti shang de chongtu yu maodun." [Sino-Soviet Conflicts and Contradictions over the Issue of Assisting Vietnam to Resist America], part 2 *Dangdai zhongguo shi yanjiu* [Research in Modern Chinese History] 7, no. 5 (September 2000): 24–39.
- Li Danhui. "Zhong-mei huanhe yu yuan yue kang mei: zhongguo wajiao zhanlu"e tiaozheng zhong de yuenan yinsu." [Sino-American Rapprochement and Assisting Vietnam to Resist America: The Vietnam factor in China's Diplomatic Strategy Adjustment] In *Dang de wenxian* [Party Literature] no. 3, 2002: 67–77.
- Liu Xiaoyuan and Wojtech Mastny, eds. "Proceedings of the International Symposium: Reviewing the History of Chinese-East European Relations from the 1960s to the 1980s." [Entire edition, 242 pages] *Zu"rcher Beitr"age zur Sicherheitspolitik und Konfliktforschung*. no.72.
- Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China Diplomatic History Research Department. *Zhou Enlai wajiao huodong dashi ji* [A Record of Major Events in the Diplomatic Activities of Zhou Enlai] Beijing: Shijie Zhishi, 1993.
- Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam. *The Truth about Vietnam–China Relations over the Last Thirty Years*. Hanoi: 1979.
- Pike, Douglas. "China, North Vietnam and Ping-Pong Balls." July 1971, Folder 04, Box 07, Douglas Pike Collection: Unit 06 – Democratic Republic of Vietnam, The Vietnam Archive, TTU.

- . "Nguyen Thanh Le Holds Press Meeting in Paris." AFP, 26 August 1968, Folder 19, Box 07, Douglas Pike Collection: Unit 04 – Political Settlement, The Vietnam Archive, TTU.
- . "Democratic National Convention." *New York Times* 27 August 1968, Folder 12, Box 07, Douglas Pike Collection: Unit 03 – Antiwar Activities, The Vietnam Archive, Texas Tech University (TTU).
- . "Eye on China." *South China Morning Post*, 3 November 1968, Folder 08, Box 08, Douglas Pike Collection: Unit 04 – Political Settlement, The Vietnam Archive, TTU.
- . "The Bombing Halt and Peking's Deathly Hush." *South China Morning Post*, 3 November 1968, Folder 08, Box 08, Douglas Pike Collection: Unit 04 – Political Settlement, The Vietnam Archive, TTU.
- . "Wait and See?" *Far Eastern Economic Review*, 14 November 1968, Folder 08, Box 08, Douglas Pike Collection: Unit 04 – Political Settlement, The Vietnam Archive, TTU.
- Qu Aiguo. "Zhongguo zhiyuan budui zai yuenan zhanchang de junshi xingdong" [The Military Activities of Chinese Support Troops on the Vietnam Battlefield]. In *Zhongguo yu yinduzhina zhanzheng* [China and the Indochina Wars], edited by Li Danhui. Hong Kong: Tiandi Tushu Gongsi, 2000: 77–105.
- Ross, Robert. *Negotiating Cooperation: the United States and China, 1968–1989*. Stanford, CA: Stanford University Press, 1995.
- Shen Zhihua. "Zhong-mei hejie yu zhongguo dui yue waijiao (1968–1973)." [Sino-American Rapprochement and China's Vietnam Policy]. In *Zhongguo yu yinduzhina zhanzheng*, edited by Li Danhui. Hong Kong: Tiandi Tushu Gongsi, 2000: 221–250.
- Taylor Jay. *China and Southeast Asia: Peking's Relations with Revolutionary Movements*. New York: Praeger, 1976.
- Westad, Odd Arne, Chen Jian, Stein Tønneson, Vu Tung Nguyen, James Hershberg et al. *77 Conversations between Chinese and Foreign Leaders on the Wars in Indochina, 1964–1977*. Cold War International History Project Working Paper no. 22 Washington DC: CWIHP, Woodrow Wilson Center, 1998, available at <http://wwics.si.edu/topics/pubs/ACFB39.pdf>.
- Zhai Qiang. *China and the Vietnam Wars, 1950–1975*. Chapel Hill, NC: University of North Carolina Press, 2001.
- Zhang Baijia and Jia Qingguo. "Steering Wheel, Shock Absorber and Diplomatic Probe in Confrontation: Sino-American Ambassadorial Talks seen from the Chinese Perspective." In *Re-examining the Cold War*, edited by Jiang Changbin and Robert Ross. Cambridge, MA: Harvard University Asia Center: Distributed by Harvard University Press, 2001: 173–200.

Zhang Baijia. "The Changing International Scene and Chinese Policy Towards the United States, 1954–1970." In *Re-examining the Cold War: U.S.–China Diplomacy, 1954–1973*, edited by Jiang Changbin and Ross. Cambridge, MA: Harvard University Asia Center, Distributed by Harvard University Press, 2001: 46–76.

----

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### **Yêu cầu đối với bản dịch**

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### **Thời hạn hoàn thành bản dịch**

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### **Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net***

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luân hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### **Bản quyền bài dịch**

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### **Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net***

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

**Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

**Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).